

TỈNH ỦY BÌNH PHƯỚC
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
*

ĐỀ TÀI KHOA HỌC

CÔNG TÁC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ VỀ LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC - QUA THỰC TIỄN TẠI HUYỆN CHƠN THÀNH VÀ HUYỆN ĐỒNG PHÚ

Chủ nhiệm: ThS. Trần Thị Hạnh Dung
Thành viên: - ThS. Nguyễn Thị Khuyến
- CN. Đỗ Thị Chuyên
- CN. Nguyễn Nguyên Hoàng
- CN. Đỗ Thị Kim Chi
- CN. Võ Hồng Cúc
- CN. Phạm Thị Hồng Chiên
Thư ký: ThS. Nguyễn Minh Huệ

Bình Phước, tháng 10 năm 2022

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	3
1. Tính cấp thiết của đề tài	3
2. Mục tiêu của đề tài	4
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
4. Tình hình nghiên cứu.....	5
5. Ý nghĩa của đề tài.....	6
6. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu.....	7
7. Nội dung nghiên cứu	7
CHƯƠNG 1.....	9
CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ VỀ LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI.....	9
1.1. Một số lý luận chung về công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai.....	9
1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai....	22
1.3. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai .	26
CHƯƠNG 2.....	32
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ VỀ LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC – QUA THỰC TIỄN TẠI HUYỆN CHƠN THÀNH VÀ HUYỆN ĐỒNG PHÚ	32
2.1. Khái quát chung về huyện Chơn Thành, huyện Đồng Phú	32
2.2. Tình hình công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai.....	38
2.3. Nguyên nhân	46
CHƯƠNG 3.....	52
GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ VỀ LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC – QUA THỰC TIỄN TẠI HUYỆN CHƠN THÀNH VÀ HUYỆN ĐỒNG PHÚ.....	52
3.1. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai	52
3.2. Kiến nghị	67
KẾT LUẬN	69

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong xu thế chung hội nhập toàn cầu, Việt Nam có chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, thực hiện công cuộc cải cách toàn diện và sâu sắc theo quy luật cạnh tranh của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đi cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường thì các mâu thuẫn, tranh chấp, xung đột trong nhân dân cũng ngày càng tăng với diện mạo mới, đòi hỏi phải được giải quyết bằng một phương thức thích hợp. Hòa giải chính là một phương thức giải quyết hữu hiệu được lựa chọn để giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp.

Từ xa xưa, hoà giải là một nét đẹp truyền thống, đạo lý của dân tộc Việt Nam, là hoạt động mang tính nhân văn và tính xã hội sâu sắc. Hòa giải ở cơ sở nói chung, hòa giải về lĩnh vực đất đai nói riêng có vị trí và vai trò quan trọng trong việc giải quyết tận gốc, tại cơ sở các mâu thuẫn xung đột phát sinh trong cuộc sống hàng ngày, góp phần vào việc tăng cường sự đoàn kết trong nội bộ nhân dân, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp đoàn kết, tương thân, tương ái giúp đỡ lẫn nhau hàng nghìn năm của dân tộc, chấm dứt tình trạng khiếu kiện kéo dài, vượt cấp, phòng ngừa và hạn chế vi phạm pháp luật, ổn định trật tự, an toàn xã hội.

Trong điều kiện đẩy mạnh cải cách tư pháp, phát huy dân chủ, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, việc phát huy tác dụng của hoạt động hòa giải về đất đai ở cơ sở càng trở lên có ý nghĩa đối với đất nước, tỉnh Bình Phước nói chung và huyện Chơn Thành, Đồng Phú nói riêng.

Trong những năm qua, việc triển khai và thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở, Luật Đất đai năm 2013, Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức chính trị-xã hội, các Tổ hòa giải ở cơ sở đã phát huy vai trò của mình trong việc thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở, Luật Đất đai đã nhiệt tình, hiểu pháp luật, có uy tín hòa giải ở cơ sở, góp phần tăng cường đoàn kết ở khu dân cư, giải quyết những mâu thuẫn, tranh chấp trong nhân dân về lĩnh vực đất đai, ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật, hạn chế

các vụ tranh chấp phải chuyển đến Tòa án nhân dân. Tuy nhiên, việc huy động nguồn lực cho công tác hòa giải chưa đồng bộ và thống nhất, một bộ phận nhỏ người dân chưa tin tưởng vào các Tổ hòa giải, hoặc người dân muốn được giải quyết nhanh tranh chấp của mình nên không thông qua hòa giải ở cơ sở mà nộp đơn lên các cơ quan cấp trên, tỷ lệ hòa giải không thành còn chiếm tỷ lệ cao. Các vụ, việc hòa giải ở cơ sở phần lớn phát sinh từ những mâu thuẫn chủ yếu về tranh chấp ranh giới đất liền kề, quyền sử dụng đất và nhà ở.

Trước tình hình trên, nghiên cứu một cách toàn diện về nguyên nhân dẫn đến công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai ở hai huyện Đồng Phú và Chơn Thành chưa hiệu quả, giảm tỷ lệ hòa giải không thành trên địa bàn huyện Chơn Thành, Đồng Phú. Trên cơ sở đó, đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giải quyết hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai tại huyện Chơn Thành, Đồng Phú là yêu cầu cấp thiết. Chính vì vậy, nhóm tác giả chọn vấn đề **“Công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Phước - Qua thực tiễn tại huyện Chơn Thành và huyện Đồng Phú”** làm đề tài khoa học cấp cơ sở.

2. Mục tiêu của đề tài

- Làm rõ những vấn đề lý luận về công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai
- Đánh giá thực trạng công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Phước – Qua thực tiễn tại huyện Chơn Thành và huyện Đồng Phú
- Đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Phước – Qua thực tiễn tại huyện Chơn Thành và huyện Đồng Phú
- Góp phần tăng tỷ lệ hòa giải thành về lĩnh vực đất đai ở cơ sở hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Đề tài chỉ tập trung vào nghiên cứu công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai
- Phạm vi nghiên cứu: đề tài tập trung khảo sát đối với hai huyện (Đồng Phú và

Chon Thành). Bởi vì đây là 02 đơn vị hành chính cấp huyện trọng điểm, là một trong 3 trực tam giác phát triển trong tầm nhìn chiến lược của tỉnh và trong những năm tới trở thành huyện đi đầu trong phát triển công nghiệp, dịch vụ và thương mại của tỉnh. Hiện nay, huyện Đồng Phú với tổng diện tích công nghiệp là 320 ha, trong đó có 2 khu công nghiệp, 1 cụm công nghiệp với tỷ lệ lấp đầy trên 90%...¹ Chon Thành có 5 khu công nghiệp, trong đó khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc và khu công nghiệp Minh Hưng III có tỷ lệ lấp đầy trên 95%.

Vì vậy, đây cũng là 2 huyện có sự biến động về đất đai do phát triển công nghiệp, giá trị quyền sử dụng đất đai tăng, tỷ lệ hòa giải thành ở cơ sở còn gặp nhiều khó khăn.

- Thời gian nghiên cứu: Số liệu thống kê đề tài giới hạn trong giai đoạn **04** năm (từ năm 2018 – 2021).

4. Tình hình nghiên cứu

Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài (thể hiện sự hiểu biết cần thiết của tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện đề tài về lĩnh vực nghiên cứu. Nắm được những công trình nghiên cứu đã có liên quan đến đề tài, những kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài) như một số cuốn sách: “Hướng dẫn nghiệp vụ công tác hòa giải ở cơ sở” (tủ sách pháp luật xã, phường, thị trấn) - Viện nghiên cứu Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp, năm 2000 do Tiến sĩ Dương Thanh Mai chủ biên; “Đề án nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019 – 2022; Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở dành cho đội ngũ hòa giải viên (ban hành kèm theo Quyết định số 1852/QĐ-BTP ngày 01/9/2020 của Bộ Tư pháp) - Hà Nội, năm 2020. Những cuốn sách này chỉ nghiên cứu đến các quy định của pháp luật về công tác hòa giải ở cơ sở với tính chất hướng dẫn nghiệp vụ chứ không đi vào phân tích, đánh giá, nghiên cứu thực trạng các quy định của pháp luật về công tác hòa giải ở cơ sở.

¹ <https://binhphuoc.gov.vn/vi/news/tin-tuc-su-kien-421/dong-phu-la-mot-trong-3-truc-tam-giac-phat-trien-cua-tinh-26609.html>

Ngoài ra, Luận văn thạc sỹ Trần Thị Hồng Phượng: “Thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi”, Học viện Hành chính quốc gia, năm 2017; Luận văn thạc sỹ Đặng Thị Lan Phương - Hòa giải ở cơ sở (qua thực tiễn tỉnh Hải Dương), Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2015... đề cập đến công tác hòa giải ở cơ sở ở các địa phương khác, mà không phải là Bình Phước (cụ thể là huyện Chơn Thành, Đồng Phú).

Cho đến nay, đã có một số bài viết, công trình nghiên cứu đến vấn đề này như: Một số bài viết trong Tạp chí Dân chủ và Pháp luật số chuyên đề “Pháp luật về Hòa giải” năm 2012 và “Thẻ chế hòa giải ở Việt Nam” - số chuyên đề tháng 9 năm 2014; bài viết trên Trang thông tin phổ biến giáo dục pháp luật “Nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở - từ góc độ tuyên truyền, phổ biến pháp luật”... mới chỉ đề cập đến thực tiễn công tác hòa giải như kết quả, một số tồn tại cũng như giải pháp nâng cao hiệu quả và chỉ trong phạm vi một địa bàn nhất định.

Bài viết trên website tapchitoaan.vn đăng ngày 01 tháng 11 năm 2019, với chuyên đề: Pháp luật về hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân cấp xã và một số kiến nghị. Bài viết trên, tác giả đề cập đến những quy định của pháp luật về hòa giải tranh chấp đất đai và bài viết nêu những khó khăn, bất cập trong việc hòa giải tranh chấp đất đai, đưa ra những kiến nghị nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã. Bài viết trên website lapphap.vn với chuyên đề: “Một số vấn đề về hòa giải tranh chấp đất đai tại Việt Nam”. Bài viết trên, tác giả đã phân tích các hình thức hòa giải tranh chấp đất đai và đưa ra các giải pháp để áp dụng các hình thức giải quyết tranh chấp đất đai.

Do đó, tính đến nay chưa có một công trình nghiên cứu nào nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai trên địa bàn huyện Chơn Thành, huyện Đồng Phú của tỉnh Bình Phước.

5. Ý nghĩa của đề tài

Đề tài đóng góp vào việc làm sáng tỏ nguyên nhân hạn chế trong công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai trên địa bàn huyện Chơn Thành, huyện Đồng Phú của

tỉnh Bình Phước.

Đề tài có ý nghĩa lý luận – thực tiễn quan trọng và nhằm nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế tại các huyện, góp phần vào việc giải quyết tận gốc các nguyên nhân có thể phát sinh các tranh chấp trong xã hội, xây dựng xã hội ổn định, đoàn kết, thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau.

Ngoài ra, đề tài có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho cán bộ giảng viên nhà trường trong công tác giảng dạy các nội dung thuộc phần III.3, phần IV.1, IV.2, V.2 và có thể dùng các số liệu khảo sát; tham khảo các giải pháp để vận dụng vào quá trình tuyên truyền pháp luật về hòa giải ở cơ sở và phát huy hơn nữa vai trò của hòa giải viên, đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai.

6. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu

Cách tiếp cận:

Dựa trên Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Quyết định số 55/2013/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của UBND tỉnh Bình Phước Quyết định Ban hành quy định về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Bình Phước và các tài liệu chính thống, tạp chí chuyên ngành.

Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Ngoài ra, nhóm tác giả sử dụng những phương pháp nghiên cứu cụ thể sau đây: Phương pháp phân tích, tổng hợp; thống kê, so sánh; khảo sát thực tế.

7. Nội dung nghiên cứu

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, đề tài được cấu trúc thành 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận chung về công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

Chương 2. Thực trạng công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Phước - Qua thực tiễn tại huyện Chơn Thành và huyện Đồng Phú

Chương 3. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Phước - Qua thực tiễn tại huyện Chơn Thành và huyện Đồng Phú

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ VỀ LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

1.1. Một số lý luận chung về công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

1.1.1.1. Khái niệm hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

Hòa giải ở cơ sở trước hết xuất phát từ đặc điểm lịch sử, truyền thống, tâm lý dân tộc. Ở Việt Nam, nền kinh tế nông nghiệp lúa nước với nhu cầu làm thủy lợi, đắp đê, chống lụt, thêm vào đó là nguy cơ giặc ngoại xâm luôn đe dọa đã khiến cho người Việt cổ sớm hình thành lối sống cộng đồng, truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái. Trong các làng xã cổ truyền, người nông dân quen sống với các mối quan hệ xóm làng, huyết thống ràng buộc nhau một cách chặt chẽ, do đó họ rất coi trọng tình làng, nghĩa xóm, “tối lửa tắt đèn có nhau”. Nếu có xích mích, mâu thuẫn, tranh chấp về quyền lợi, nghĩa vụ giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ, hàng xóm láng giềng thì giải quyết mâu thuẫn bằng cách “đóng cửa bảo nhau”, “chín bỏ làm mười”, xóa bỏ bất đồng, mâu thuẫn, xây dựng cộng đồng hòa thuận, yên vui, hạnh phúc. Vì vậy, hòa giải được xem là phương án tối ưu để giải quyết xích mích, mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ nhân dân...

Ở nước ta hiện nay, đối với tranh chấp đất đai có những hình thức hòa giải khác nhau: Hòa giải trong tố tụng dân sự của Tòa án, hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và hòa giải ở cơ sở.

Hòa giải tại Tòa án là hoạt động hòa giải do Hòa giải viên tiến hành trước khi Tòa án thụ lý vụ việc dân sự, nhằm hỗ trợ các bên tham gia hòa giải thỏa thuận giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của Luật này. (khoản 2 Điều 2 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án).

Hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: Đây là thủ tục được quy định trong Luật Đất đai năm 2013 trong trường hợp các bên tranh chấp không tự hòa giải thì gửi đơn đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp

đề hòa giải (khoản 2 Điều 202 Luật Đất đai).

Khái niệm hòa giải ở cơ sở:

- Theo Từ điển tiếng Việt, hòa giải là “*hành vi thuyết phục các bên đồng ý chấm dứt xung đột hoặc xích mích một cách ôn hòa*”².

Hòa giải là một phương thức giải quyết tranh chấp với sự giúp đỡ của một bên thứ ba trung lập, làm trung gian, giúp các bên tranh chấp tự nguyện thỏa thuận giải quyết được những bất đồng và đạt được thỏa thuận phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội và tự nguyện thực hiện những thỏa thuận đó.³

Cơ sở được hiểu là thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố và cộng đồng dân cư khác.

Theo khoản 1, Điều 2, Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013 quy định: Hòa giải ở cơ sở là việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật theo quy định của Luật này. (Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013)

Mâu thuẫn là sự khác biệt hoặc đối lập về quan điểm lợi ích, nhận thức phương pháp làm việc... của các cá nhân hoặc nhóm người tập thể. Nó được biểu hiện bên ngoài bằng những cảm xúc, tình cảm với những cung bậc khác nhau tùy theo mức độ khác biệt. Từ những xung đột về mặt xã hội, nhu cầu hoặc lợi ích có thể phát triển thành những mâu thuẫn về mặt xã hội, nhu cầu hoặc lợi ích; có thể bắt nguồn từ những xung đột nhỏ thành những mâu thuẫn nhỏ hoặc những xung đột lớn thành những mâu thuẫn lớn.

Tranh chấp là giành nhau cái không rõ thuộc về bên nào và là sự giằng co khi bất đồng ý kiến giữa các bên; là sự không đồng ý với nhau trong một cuộc thảo luận, là sự “giành giật” giữa các bên với nhau⁴. Tranh chấp là bước phát triển cao của xung đột và mâu thuẫn. Hiện nay, tranh chấp phát sinh rất nhiều trong cuộc sống hàng ngày và trong tất cả các lĩnh vực khác của cuộc sống và khái niệm này được sử dụng chủ

² Từ điển tiếng Việt, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, năm 1995.

³ Bộ Tư pháp, Tài liệu bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở, năm 2016

⁴ https://vi.wiktionary.org/wiki/tranh_ch%E1%BA%A5p#Ti.E1.BA.BFng_Vi.E1.BB.87t

yếu và phổ biến hơn khái niệm xung đột. Chính vì thế, khi nghiên cứu các vấn đề của xung đột và giải quyết xung đột cần nghiên cứu đồng thời các vấn đề về tranh chấp và giải quyết tranh chấp.

Tranh chấp đất đai là dạng tranh chấp phức tạp bởi mâu thuẫn thường phát sinh trong nội bộ gia đình, hàng xóm láng giềng, tranh chấp diễn ra trong thời gian dài, nhiều thế hệ;... thường liên quan đến nhiều người, đến công tác quản lý nhà nước cũng như quy định pháp luật trong từng thời kỳ lịch sử khác nhau.

Từ các khái niệm trên có thể hiểu một cách chung nhất về hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai như sau: *là việc hòa giải viên ở cơ sở hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp về lĩnh vực đất đai theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.*

Và khái niệm hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai không bao gồm hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã.

1.1.1.2. Phân biệt hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai và hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã

Thứ nhất, về căn cứ pháp lý

Hòa giải ở cơ sở được quy định tại Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013. Hòa giải ở cơ sở là việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp. Trong đó, tranh chấp về quyền sử dụng đất thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở (quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở). Theo đó, khi có căn cứ tiến hành hòa giải (Một bên hoặc các bên yêu cầu hòa giải; Hòa giải viên chứng kiến hoặc biết vụ, việc thuộc phạm vi hòa giải; hoặc theo phân công của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan) thì hòa giải ở cơ sở được tiến hành.

Trong khi đó, hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã là thủ tục được quy định trong Luật Đất đai năm 2013 trong trường hợp các bên tranh chấp không tự hòa

giải thì gửi đơn đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp để hòa giải (khoản 2 Điều 202 Luật Đất đai).

Thứ hai, tính chất tự nguyện

Việc hòa giải ở cơ sở trên cơ sở sự tự nguyện của các bên tranh chấp, không phải là thủ tục bắt buộc. Theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Hòa giải ở cơ sở thì các bên có quyền đồng ý hoặc từ chối hòa giải.

Trong khi đó, hòa giải đối với tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất tại UBND cấp xã là thủ tục bắt buộc và cũng là điều kiện thụ lý vụ án tại Tòa án.

Thứ ba, về thành phần tổ hòa giải, người tham gia hòa giải

Đối với hòa giải ở cơ sở, theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở thì các bên tranh chấp có quyền lựa chọn, đề xuất hòa giải viên; trong trường hợp các bên không lựa chọn hòa giải viên, tổ trưởng tổ hòa giải phân công hòa giải viên tiến hành hòa giải. Trong đó, hòa giải viên là công dân Việt Nam thường trú tại cơ sở, tự nguyện tham gia hoạt động hòa giải, có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín trong cộng đồng dân cư, có khả năng thuyết phục, vận động nhân dân; có hiểu biết pháp luật và được Chủ tịch UBND cấp xã ra quyết định công nhận hòa giải viên. Trong quá trình hòa giải, nếu thấy cần thiết, hòa giải viên và một trong các bên khi được sự đồng ý của bên kia có thể mời người có uy tín trong dòng họ, ở nơi sinh sống, nơi làm việc; người có trình độ pháp lý, có kiến thức xã hội; già làng, chức sắc tôn giáo, người biết rõ vụ, việc; đại diện của cơ quan, tổ chức hoặc người có uy tín khác tham gia hòa giải.

Đối với hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã, thành phần Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai đã được quy định cụ thể, bên cạnh đó, thì có thể mời người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai thì thành phần Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND là Chủ tịch Hội đồng; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, ấp đối với khu vực nông thôn; đại diện

của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó; cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn. Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Hòa giải ở cơ sở thì cơ sở được hiểu là: Cơ sở là thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố và cộng đồng dân cư khác (sau đây gọi chung là thôn, tổ dân phố).

Hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai thì hòa giải viên là người công tác tại thôn, ấp, tổ dân phố, khu phố..

Thứ tư, về trình tự, thủ tục hòa giải

Hòa giải ở cơ sở được tiến hành khi có một trong các căn cứ sau đây: Một bên hoặc các bên yêu cầu hòa giải; Hòa giải viên chứng kiến hoặc biết vụ, việc thuộc phạm vi hòa giải; hoặc theo phân công của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (Điều 16 Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013).

Các bên trong hòa giải có quyền lựa chọn, đề xuất hòa giải viên, địa điểm, thời gian để tiến hành hòa giải; đồng ý hoặc từ chối hòa giải; yêu cầu tạm dừng hoặc chấm dứt hòa giải; yêu cầu việc hòa giải được tiến hành công khai hoặc không công khai; được bày tỏ ý chí và quyết định về nội dung giải quyết hòa giải. Trường hợp các bên đạt được thỏa thuận thì các bên có thể thỏa thuận lập văn bản hòa giải thành gồm các nội dung chính sau đây: Căn cứ tiến hành hòa giải; Thông tin cơ bản về các bên; Nội dung chủ yếu của vụ, việc; Diễn biến của quá trình hòa giải; Thỏa thuận đạt được và giải pháp thực hiện; Quyền và nghĩa vụ của các bên; Phương thức, thời hạn thực hiện thỏa thuận; Chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên và của hòa giải viên.

Trường hợp các bên không đạt được thỏa thuận, các bên có quyền yêu cầu tiếp tục hòa giải hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND xã được quy định theo trình tự thủ tục, tại Điều 202 Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014

của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. Khi nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, UBND cấp xã có trách nhiệm thực hiện các công việc sau: Thẩm tra, xác minh tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan do các bên cung cấp về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất; Thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai để thực hiện hòa giải; Tổ chức cuộc họp hòa giải có sự tham gia của các bên tranh chấp, thành viên Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Việc hòa giải chỉ được tiến hành khi các bên tranh chấp đều có mặt. Trường hợp một trong các bên tranh chấp vắng mặt đến lần thứ hai thì được coi là việc hòa giải không thành.

- Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã được thực hiện trong thời hạn không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai.

- Kết quả hòa giải tranh chấp đất đai phải được lập thành biên bản, gồm có các nội dung: Thời gian và địa điểm tiến hành hòa giải; thành phần tham dự hòa giải; tóm tắt nội dung tranh chấp thể hiện rõ về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất đang tranh chấp, nguyên nhân phát sinh tranh chấp (theo kết quả xác minh, tìm hiểu); ý kiến của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai; những nội dung đã được các bên tranh chấp thỏa thuận, không thỏa thuận. Biên bản hòa giải phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải và phải đóng dấu của UBND cấp xã; đồng thời phải được gửi ngay cho các bên tranh chấp và lưu tại UBND cấp xã.

Sau thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà các bên tranh chấp có ý kiến bằng văn bản về nội dung khác với nội dung đã thống nhất trong biên bản hòa giải thành thì Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức lại cuộc họp Hội đồng hòa giải để xem xét giải quyết đối với ý kiến bổ sung và phải lập biên bản hòa giải thành hoặc không thành.

Trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi hiện trạng về ranh giới sử dụng đất, chủ sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã gửi biên bản hòa giải thành đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định tại Khoản 5 Điều 202 của Luật Đất đai. Trường hợp hòa giải không thành hoặc sau khi hòa giải thành mà có ít nhất một trong các bên thay đổi ý kiến về kết quả hòa giải thì UBND cấp xã lập biên bản hòa giải không thành và hướng dẫn các bên tranh chấp gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp tiếp theo.

Thứ năm, về việc đề nghị công nhận kết quả hòa giải thành

Việc hòa giải thành thông qua hòa giải ở cơ sở hoặc tại UBND cấp xã do các bên thỏa thuận phương án giải quyết tranh chấp và tự nguyện thi hành; trong trường hợp các bên không thi hành, thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết. Để tạo điều kiện cho các bên tham gia hòa giải ngoài Tòa án được Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã dành 01 chương (Chương XXXIII) quy định về thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án. Theo đó các bên có thể yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành. Quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở của Tòa án có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Việc Tòa án không công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở không ảnh hưởng đến nội dung và giá trị pháp lý của kết quả hòa giải ở cơ sở. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thi hành theo pháp luật về thi hành án dân sự.

Như vậy, khi hòa giải thành các tranh chấp đất đai thông qua hòa giải ở cơ sở hoặc tại UBND cấp xã thì các bên đều có thể yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành.

1.1.2. Phạm vi hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

Theo Điều 3 Luật Hòa giải ở cơ sở, Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở, phạm vi hòa giải ở cơ sở được quy định như sau:

** Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật được tiến hành hòa giải gồm:*

Theo khoản 24, Điều 3, Luật đất đai năm 2013 quy định, *tranh chấp đất đai* là tranh chấp về quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất giữa hai hoặc nhiều bên trong quan hệ đất đai.

Tranh chấp đất đai là một hiện tượng xảy ra phổ biến trong xã hội. Đặc biệt, khi nước ta chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, đất đai trở thành một loại hàng hóa đặc biệt có giá trị thì tranh chấp đất đai có xu hướng ngày càng gia tăng cả về số lượng cũng như mức độ phức tạp. Tình trạng tranh chấp đất đai kéo dài với số lượng người dân khiếu kiện ngày càng đông là vấn đề rất đáng được quan tâm. Tranh chấp đất đai phát sinh nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến nhiều mặt của đời sống xã hội, như làm đình đốn sản xuất, tổn thương đến các mối quan hệ trong cộng đồng dân cư, ảnh hưởng đến phong tục đạo đức tốt đẹp của người Việt Nam, gây ra sự mất ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tranh chấp đất đai kéo dài nếu không được giải quyết dứt điểm sẽ dễ dẫn đến “điểm nóng”, bị kẻ xấu lợi dụng, làm giảm niềm tin của nhân dân đối với Nhà nước.

Trong đời sống thực tế, các tranh chấp đất đai xảy ra ngày càng nhiều với sự phong phú và đa dạng về các loại hình tranh chấp và với tính chất ngày càng tinh vi và phức tạp hơn. Nhiều vụ tranh chấp xảy ra làm tốn nhiều thời gian, công sức, tiền của không chỉ của Nhà nước mà còn làm tốn kém ngay cả đối với các chủ thể tranh chấp và các chủ thể khác có liên quan.

Tranh chấp đất đai biểu hiện ở các dạng khác nhau (Tranh chấp đất đường đi, ngõ xóm, ranh giới đất ở, đất vườn, đất sản xuất thuộc quyền sử dụng của các hộ gia đình, các tranh chấp còn liên quan đến những vùng đất bãi ven sông, ven biển có khả năng khai thác các nguồn lợi thủy sản; tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất khi các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện các giao dịch chuyển quyền sử dụng đất cho nhau; tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất; tranh chấp liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất...). Mục đích và tính chất của mỗi tranh chấp cũng không giống nhau song chúng đều bắt nguồn từ những bất đồng, mâu thuẫn về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia quan hệ đất đai. Và

mâu thuẫn, bất đồng của các chủ thể đó của các bên hoặc nhiều bên không thể tự mình điều hòa được thì tranh chấp nảy sinh và phải cần đến sự can thiệp của Nhà nước, cộng đồng và xã hội. Theo đó, tranh chấp đất đai được hiểu là:

Tranh chấp đất đai là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất giữa hai hoặc nhiều bên trong quan hệ đất đai⁵.

Tranh chấp đất đai có các đặc điểm sau:

(1) Không tranh chấp về quyền sở hữu: Đối tượng của tranh chấp không là quyền sở hữu đất và các chủ thể tham gia tranh chấp không phải là các chủ thể có quyền sở hữu đối với đất, bởi lẽ đất đai tại Việt Nam thuộc về sở hữu toàn dân mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu, chứ không thuộc về từng cá nhân riêng lẻ. Các chủ thể sử dụng đất không nắm giữ quyền sở hữu đất mà chỉ nắm giữ quyền sử dụng đất.

(2) Các tranh chấp đất đai ngày càng gay gắt, phức tạp trong bối cảnh kinh tế thị trường. Khác với thời kỳ bao cấp trước đây, đất không có giá, thậm chí người thân, anh em, bạn bè có thể thoải mái cho nhau đất không cần tính toán, thì nay, trong nền kinh tế thị trường, khi đất đai đã được xác định giá, người dân ý thức được giá trị của đất, lại là giá trị rất lớn thì mỗi diện tích đất, thậm chí rất nhỏ cũng có thể làm phát sinh tranh chấp lớn.

(3) Tranh chấp đất đai có khả năng lôi kéo nhiều người, gây bất ổn chính trị, mất ổn định xã hội. Đặc biệt là tranh chấp đất đai giữa các dòng họ, tài sản chung khác... thuộc quyền sử dụng của nhiều chủ thể khiến cho việc giải quyết tranh chấp rất khó khăn, dẫn đến việc các bên “tự giải quyết” tranh chấp một cách manh động theo kiểu “xã hội đen”...

Khi các quyền và lợi ích được coi là hợp pháp đó bị thương tổn, bị xâm hại thì tâm lý nói chung của người sử dụng đất là muốn được phục hồi quyền lợi, các lợi ích được xem xét bảo vệ và được tôn trọng. Vì vậy, những mong muốn chính đáng đó phải được bảo vệ từ phía Nhà nước và cộng đồng bằng nhiều cách thức và biện pháp khác nhau, nếu không được bảo vệ tất yếu dẫn tới những xung đột từ quy mô nhỏ tới

⁵ Khoản 24 Điều 3 Luật Đất đai 2013.

quy mô lớn, từ các hiện tượng nhỏ lẻ, cá biệt thành những hiện tượng bất thường gây xáo trộn cuộc sống. Do vậy, không có bất cứ Nhà nước nào lại không can thiệp bằng nhiều biện pháp khác nhau để bình ổn những xáo trộn đó. Thực tế ở một số địa phương có tình trạng khiếu kiện đông người gây áp lực đối với chính quyền, bao vây các doanh nghiệp vì không hài lòng với việc được bồi thường thiệt hại về đất, kích động người dân khiếu kiện gây căng thẳng trong đời sống đã cho thấy, việc giải quyết tranh chấp khiếu kiện nói chung và giải quyết tranh chấp đất đai nói riêng trở thành mối quan tâm chung của xã hội. Các biện pháp giải quyết không nhất thiết cứ phải khiếu kiện đến các cơ quan nhà nước mà có thể thông qua nhiều con đường khác nhau từ cộng đồng, từ sự chia sẻ của xã hội và vai trò trung gian hoà giải ở cơ sở, hòa giải của các tổ chức đoàn thể. Tuy nhiên, nếu những biện pháp giáo dục thuyết phục từ cộng đồng vẫn không thể đạt được sự nhất trí của các bên đương sự thì đương nhiên bằng con đường tư pháp, bằng con đường hành chính, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải có trách nhiệm bình ổn các quan hệ xã hội thông qua việc áp dụng pháp luật để giải quyết mọi quyền lợi chính đáng của các bên đương sự. Qua việc giải quyết đó, trật tự xã hội được văn hồi, quyền lợi hợp pháp của người sử dụng đất được khôi phục, mang lại niềm tin cho người bị xâm hại, đồng thời khuyến cáo người vi phạm pháp luật về các trách nhiệm pháp lý có thể được áp dụng để xử lý đối với hành vi vi phạm.

1.1.3. Vai trò hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

Hòa giải ở cơ sở là chỗ dựa cho việc tổ chức một xã hội đoàn kết, hòa hợp, đồng thuận, người dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền, tạo tiền đề cho ổn định chính trị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Vì lẽ đó hòa giải ở cơ sở không chỉ là phương thức giải quyết tranh chấp có hiệu quả mà còn là một phương thức phổ biến giáo dục pháp luật thiết thực, nhằm giữ gìn, duy trì đoàn kết trong nội bộ nhân dân; góp phần xây dựng và nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật trong cộng đồng dân cư.

Hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai nhằm phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp

luật, tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Bởi vì, mỗi vụ việc xảy ra ở cơ sở, nếu được hoà giải, giải quyết kịp thời sẽ không phát triển thành mâu thuẫn, tranh chấp lớn, việc đơn giản không trở nên phức tạp, không gây sự âm ỉ, bức xúc trong dư luận và cộng đồng dân cư, từ đó các mâu thuẫn, tranh chấp, vướng mắc pháp luật được giải quyết triệt để, ngăn ngừa phát sinh tội phạm, giữ gìn tình đoàn kết trong nội bộ nhân dân, ổn định trật tự an toàn xã hội. Điều này góp phần tiết kiệm được thời gian, công sức, tiền bạc của chính các bên tranh chấp, cũng như của các cơ quan nhà nước như chính quyền địa phương, cơ quan tư pháp.

Hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai thể hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, là biểu hiện của dân chủ, người dân tự quyết định vấn đề của mình phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội. Bằng hoạt động hòa giải ở cơ sở, các bên tranh chấp tự mình giải quyết tranh chấp, xung đột trên cơ sở nguyện vọng, hài hòa lợi ích giữa các bên. Hòa giải viên ở cơ sở là người hoạt động vì lợi ích cộng đồng, họ không hướng tới mục tiêu lợi nhuận; công việc của hòa giải viên là hàn gắn những mâu thuẫn nảy sinh trong gia đình, dòng họ, tranh chấp giữa hàng xóm láng giềng với nhau; hòa giải viên hướng dẫn các bên tranh chấp, mâu thuẫn để họ tự thống nhất cách giải quyết mà không cần đến sự can thiệp của Nhà nước. Điều này thể hiện cao quyền làm chủ của nhân dân, góp phần thực hiện có hiệu quả Hiến pháp năm 2013.

Bằng việc đưa ra những quy định của pháp luật để thuyết phục, giải thích, phân tích cho các bên tranh chấp, hoà giải viên đã góp phần nâng cao hiểu biết pháp luật cho họ, từ đó giúp họ hình thành ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật (để tránh những tranh chấp, mâu thuẫn, vi phạm pháp luật tương tự có thể tiếp tục xảy ra). Đồng thời, sau khi được hòa giải, mỗi bên tranh chấp cũng có thể trở thành người tư vấn pháp luật cho những người khác (người thân, gia đình, bạn bè, đồng nghiệp) khi những người này nảy sinh hoặc có nguy cơ nảy sinh tranh chấp tương tự trong các mối quan hệ xã hội.

Hoạt động hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai chính là một hình thức của công tác dân vận. Hòa giải viên ở cơ sở là người gần dân, sát dân, hiểu được tâm tính, hoàn

cảnh, điều kiện của từng hộ dân, bằng kinh nghiệm của mình, họ phân tích, giải thích cho các bên hiểu về những giá trị cốt lõi của đạo đức con người, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, để nâng cao nhận thức pháp luật và xây dựng ý thức thượng tôn pháp luật trong Nhân dân, hướng mọi người tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và cùng chung sức, đồng lòng xây dựng, phát triển quê hương, đất nước giàu mạnh. Thông qua công tác hòa giải ở cơ sở, hòa giải viên nắm được được tâm tư, nguyện vọng của dân, từ đó tham mưu lại cho chính quyền, cho Đảng những giải pháp căn cơ để xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách phù hợp, “ý Đảng – lòng Dân”. Chính vì vậy, việc sử dụng kỹ năng “dân vận khéo” đã được nhiều hòa giải viên ở cơ sở áp dụng trong quá trình hòa giải, họ quan niệm mình là sợi dây kết nối giữa Đảng với người dân.

Đồng thời, còn là một phương thức phổ biến giáo dục pháp luật thiết thực, góp phần trực tiếp tác động đến việc nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân; bởi vì, trong quá trình hòa giải, hòa giải viên không chỉ phải dựa vào các chuẩn mực đạo đức, văn hóa ứng xử, phong tục, tập quán... mà còn phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân hiểu rõ hơn những quy định của pháp luật về đất đai và chấp hành tốt hơn pháp luật về đất đai. Nhân dân hiểu quyền và nghĩa vụ của mình trong thực hiện pháp luật và ứng xử văn hóa, giữ gìn tình làng, nghĩa xóm.

Hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai giúp giải quyết tranh chấp đất đai một cách nhanh chóng, kịp thời; không mất tình cảm (gia đình, dòng họ, bạn bè...); ít tốn kém về thời gian, các bên tiết kiệm và giảm thiểu rất nhiều chi phí. Hiện nay, vụ việc hòa giải ở cơ sở không tính phí, hòa giải viên làm việc trên cơ sở tự nguyện, vì lợi ích xã hội, lợi ích cộng đồng. Trong tố tụng dân sự nếu vụ việc được hòa giải thành do Thẩm phán tiến hành trước khi mở phiên tòa thì các đương sự phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm. Đối với trường hợp vụ án dân sự đưa ra xét xử thì các đương sự phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối với tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình

không có giá ngạch thì mức án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối với tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình có giá ngạch thì mức án phí căn cứ vào giá trị tài sản có tranh chấp⁶. Thực tế có không ít vụ án dân sự phải qua nhiều vòng tố tụng (sơ thẩm, phúc thẩm; giám đốc thẩm lại trở về sơ, phúc thẩm...), bên thắng kiện đôi khi không đủ bù đắp chi phí tố tụng; ngoài ra công việc của các bên đương sự bị ảnh hưởng do phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, điều này ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các bên, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, thu nhập bị giảm sút.

Thực hiện tốt hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai góp phần quan trọng vào việc nâng cao uy tín của cán bộ, đảng viên ở thôn, ấp, tổ dân phố... Thông qua hòa giải thành nhân dân tin tưởng vào đội ngũ cán bộ ở cơ sở. Cán bộ nắm bắt, bám sát tất cả hoạt động của thôn, ấp, tổ dân phố... kịp thời giải quyết những mâu thuẫn, tranh chấp.

Hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai góp phần tích cực trong việc hạn chế đơn thư khiếu nại, tố cáo tràn lan, vượt cấp, kéo dài. Mỗi vụ việc xảy ra ở cơ sở, nếu được hòa giải, giải quyết kịp thời sẽ không phát triển thành mâu thuẫn, tranh chấp lớn, việc đơn giản không trở nên phức tạp, không gây sự âm ỉ, bức xúc trong dư luận và cộng đồng dân cư, từ đó các mâu thuẫn, tranh chấp, vướng mắc pháp luật được giải quyết triệt để, ngăn ngừa phát sinh tội phạm, giữ gìn tình đoàn kết trong nội bộ nhân dân, ổn định trật tự an toàn xã hội. Thông qua hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai các bên tự nguyện thực hiện những nội dung trong thỏa thuận và chấp hành nhanh chóng, không để khiếu kiện. Điều này sẽ giảm áp lực cho UBND xã, cơ quan tư pháp và góp phần bảo đảm an ninh, trật tự xã hội.

Hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai thành giúp giải quyết những mâu thuẫn, tranh chấp nhanh chóng, kịp thời không để kéo dài, âm ỉ, không để thành mâu thuẫn lớn, giải quyết được hậu quả nghiêm trọng. hòa giải viên là người ở địa phương, am

⁶ Giá trị tranh chấp từ trên 60 triệu đồng đến 400 triệu đồng thì nộp 5% của giá trị tranh chấp; từ trên 400 triệu đồng đến 800 triệu đồng thì nộp 20 triệu đồng + 4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400 triệu đồng; từ trên 800 triệu đồng đến 2 tỷ đồng thì nộp 36 triệu đồng + 3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800 triệu đồng; từ trên 2 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng thì nộp 72 triệu đồng + 2% của phần giá trị tranh chấp vượt 2 tỷ đồng; từ trên 4 tỷ đồng thì nộp 112 triệu đồng + 0,1% của phần giá trị tranh chấp vượt 4 tỷ đồng.

hiểu sự việc, nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, phong tục, văn hóa. Ngay khi tranh chấp về đất đai nảy sinh, hòa giải viên đã biết và tổ chức tiến hành hòa giải, hướng dẫn hai bên thực hiện tự thỏa thuận và hai bên giải quyết được mâu thuẫn khi mới phát sinh. Từ đó, sẽ hạn chế được nhưng hậu quả nghiêm trọng liên quan đến sức khỏe, tính mạng, trật tự xã hội.

1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

1.2.1. Quy định của pháp luật về công tác hòa giải ở cơ sở và hòa giải về lĩnh vực đất đai

Nhà nước quản lý xã hội và thúc đẩy xã hội phát triển qua hệ thống pháp luật. Và nếu pháp luật được Nhà nước ban hành đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ; tính khả thi, công khai, minh bạch; tính ổn định, và dễ tiếp cận là nhân tố tích cực thúc đẩy sự phát triển của kinh tế - xã hội.

Pháp luật quy định về công tác hòa giải ở cơ sở và hòa giải về lĩnh vực đất đai bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, có tính khả thi là căn cứ để người được phân công hòa giải tiến hành hòa giải ở cơ sở. Các văn bản quy định về công tác hòa giải ở cơ sở và văn bản liên quan đến hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai.

Văn bản quy phạm pháp luật về hòa giải ở cơ sở và hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai gồm Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, Luật đất đai năm 2013. Các văn bản hướng dẫn thi hành: Nghị định số 43/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật đất đai, Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở; Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở; Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30/7/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tư pháp về công tác hòa giải ở cơ sở; các văn bản quy phạm, văn bản chỉ đạo,

hướng dẫn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành về công tác hòa giải ở cơ sở.

Đây là những căn cứ pháp lý là những yếu tố quan trọng nhất mà Hội đồng hòa giải ở cơ sở dựa vào để xem xét, giải quyết vụ việc hòa giải vừa đúng với pháp luật, cụ thể hòa giải về lĩnh vực đất đai phù hợp với các quy định của pháp luật, quy định về hòa giải ở cơ sở, luật đất đai vừa hợp lý, hợp tình, mang lại hiệu quả cao, nâng cao chất lượng hòa giải, hòa giải thành.

1.2.2. Trình độ, năng lực và kinh nghiệm của người làm công tác hòa giải

Trình độ là thứ được đào tạo, được tiếp thu (gồm trình độ học vấn, trình độ chuyên môn và trình độ lý luận chính trị); Năng lực là cái vốn có, bẩm sinh, cái “trời cho” của mỗi người; khả năng của một người để làm một việc gì đó, để xử lý một tình huống và để thực hiện một nhiệm vụ cụ thể trong một môi trường xác định (gồm năng lực lãnh đạo, quản lý, khả năng dự báo, tầm nhìn); kinh nghiệm là những điều hiểu biết, sự thông thạo về một sự kiện hay một chủ đề có được thông qua tham gia sự can dự hay tiếp xúc trực tiếp.

Hòa giải viên ở cơ sở là người thường trú tại cơ sở, khi hòa giải, hòa giải viên không chỉ dựa trên các quy định của pháp luật (giải thích, hướng dẫn các bên vận dụng pháp luật) mà còn dựa vào chuẩn mực đạo đức, văn hóa ứng xử, phong tục, tập quán tốt đẹp để giúp đỡ, thuyết phục các bên tự thương lượng, thỏa thuận chấm dứt mâu thuẫn, xung đột. Hòa giải viên ở cơ sở không có quyền xét xử như thẩm phán và không được ra phán quyết như trọng tài viên.

Công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai là việc rất quan trọng, diễn ra rất phức tạp, nhạy cảm. Trình độ, năng lực của người được phân công làm công tác hòa giải là yếu tố rất quan trọng trong việc quy định hòa giải thành hay khôn thành.

Người cán bộ làm công tác hòa giải phải bảo đảm tiêu chuẩn của hòa giải viên: Có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín trong cộng đồng dân cư; Có khả năng thuyết phục, vận động nhân dân; có hiểu biết pháp luật.

Người cán bộ làm công tác hòa giải phải có trình độ, nắm rõ các chính sách. Có

bản lĩnh chính trị vững vàng, luôn chân thật, khách quan, nhiệt tình trong công tác, có ý thức trách nhiệm cao.

Hòa giải viên cần có kỹ năng giao tiếp để dễ dàng nắm bắt thông tin vụ việc, tôn trọng, nắm được tâm lý hai bên tranh chấp. Người hòa giải viên quan tâm, sẵn sàng giúp đỡ các bên; tôn trọng các bên tranh chấp.

Ngoài ra, hòa giải viên có kỹ năng lắng nghe để thu thập thông tin, hiểu được bản chất vụ việc, đồng thời các bên tin tưởng chia sẻ tâm tư, nguyện vọng với hòa giải viên.

Hơn nữa, có kỹ năng khai thác thông tin, tài liệu, vụ việc, kỹ năng yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan. Hòa giải viên nghiên cứu vụ việc, phân tích vụ việc, lấy thông tin từ các bên một cách chính xác. Từ đó, hòa giải viên đưa ra những lời khuyên chính xác, đúng pháp luật. Hòa giải viên có kỹ năng yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan. Sau khi nghe các bên trình bày, hòa giải viên có thể phân tích, giải thích, hướng dẫn được cho các bên nhưng cũng có vụ việc phức tạp, hòa giải viên phải yêu cầu các bên cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan (nếu có) hoặc tự mình nghiên cứu, thu thập chứng cứ, gặp gỡ cá nhân, tổ chức, gặp người chứng kiến nghe trình bày để hiểu rõ vụ việc.

Hòa giải viên có kỹ năng tìm mâu thuẫn, xung đột lợi ích cốt lõi, nguyên nhân chủ yếu. Hòa giải viên thu thập thông tin chính xác để xác định lợi ích của các bên mâu thuẫn, hòa giải viên tìm nguyên nhân chủ yếu để có những giải pháp giải quyết.

Hòa giải viên có kỹ năng tra cứu, tham khảo, vận dụng pháp luật, phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong hoạt động hòa giải ở cơ sở và kỹ năng tổ chức, điều hành, kiểm soát buổi hòa giải.

Hòa giải viên có kỹ năng tư vấn, hướng dẫn, giải thích, thuyết phục, vận động các bên tự thỏa thuận dàn xếp mâu thuẫn, tranh chấp; kỹ năng ghi chép biên bản, sổ theo dõi hoạt động hòa giải, lập văn bản hòa giải thành, văn bản hòa giải không thành.

1.2.3. Yếu tố khác (cơ sở vật chất; tổ hòa giải và hòa giải viên...)

Cơ sở vật chất: Cơ sở vật chất cho công tác hòa giải ở cơ sở là điều kiện quan trọng để hòa giải viên nghiên cứu, cập nhật văn bản, nghiên cứu vụ việc nhanh chóng, kịp thời.

Vai trò của tổ hòa giải và hòa giải viên

Tổ hòa giải có tổ trưởng và các hòa giải viên. Mỗi tổ hòa giải có từ 03 hòa giải viên trở lên, trong đó có hòa giải viên nữ. Đối với vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, tổ hòa giải phải có hòa giải viên là người dân tộc thiểu số.

Tổ hòa giải có trách nhiệm tổ chức thực hiện hòa giải; tổ chức trao đổi kinh nghiệm, thảo luận các giải pháp để tiến hành hòa giải vụ, việc phức tạp; phối hợp với Ban công tác Mặt trận, Chi hội phụ nữ, Chi đoàn thanh niên, Chi hội cựu chiến binh, Chi hội nông dân, Chi hội người cao tuổi, các tổ hòa giải và tổ chức, cá nhân khác trong hoạt động hòa giải ở cơ sở; kiến nghị với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã về hoạt động hòa giải ở cơ sở, các điều kiện cần thiết cho hoạt động hòa giải ở cơ sở; đề nghị khen thưởng tổ hòa giải, hòa giải viên có thành tích xuất sắc trong công tác hòa giải.

Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm: Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về hòa giải ở cơ sở; xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho hoạt động hòa giải; thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên ở địa phương; Chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết và khen thưởng về hòa giải ở cơ sở; Báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở. (Theo khoản 2, Điều 29, Luật hòa giải ở cơ sở).

Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tham gia quản lý

nhà nước về hòa giải ở cơ sở; vận động tổ chức, cá nhân chấp hành pháp luật, giám sát việc thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở; phối hợp kiểm tra, sơ kết, tổng kết và khen thưởng về hòa giải ở cơ sở. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tham gia tổ chức thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở; Các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định của pháp luật. (Điều 30, Luật hòa giải ở cơ sở).

Ngoài ra, các yếu tố khác cũng ảnh hưởng đến công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai như vị trí địa lý, lịch sử hình thành, đặc điểm dân cư, tôn giáo, dân tộc, sự biến động về giá trị quyền sử dụng đất...

1.3. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

1.3.1. Sự quan tâm của chính quyền địa phương

Thể hiện ở các nội dung sau:

- Thủ tục bầu, công nhận Tổ hòa giải, hòa giải viên được thực hiện đúng quy định (đảm bảo thủ tục đúng luật, đúng số lượng, cơ cấu thành phần theo Luật Hòa giải ở cơ sở quy định).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng tổ hòa giải, hòa giải viên trong một tổ hòa giải căn cứ vào đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội, dân số của địa phương và đề nghị của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

- Tạo mọi điều kiện, hỗ trợ cho hoạt động hòa giải ở cơ sở:

+ Chi kinh phí theo quy định

(i) Chi hỗ trợ cho tổ hòa giải để mua văn phòng phẩm; mua, sao chụp tài liệu phục vụ hoạt động hòa giải; tổ chức các cuộc họp, sơ kết, tổng kết hoạt động của tổ hòa giải;

(ii) Chi thù lao cho hòa giải viên theo vụ, việc; chi hỗ trợ cho hòa giải viên khi gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải)

+ Tổ chức lớp Bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải;

+ Cung cấp miễn phí tài liệu liên quan đến hoạt động hòa giải, các thông tin về chính sách, pháp luật có liên quan đến hoạt động hòa giải;

+ Khen thưởng khi có đóng góp, hỗ trợ tích cực cho công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định;

- Quan tâm xây dựng, củng cố đội ngũ hòa giải viên, tổ hòa giải:

Hòa giải viên ở cơ sở là người gần dân, sát dân, hiểu được tâm tính, hoàn cảnh, điều kiện của từng hộ dân, bằng kinh nghiệm của mình, họ phân tích, giải thích cho các bên hiểu về những giá trị cốt lõi của đạo đức con người, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đề nâng cao nhận thức pháp luật và xây dựng ý thức thượng tôn pháp luật trong Nhân dân, hướng mọi người tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và cùng chung sức, đồng lòng xây dựng, phát triển quê hương, đất nước giàu mạnh. Thông qua công tác hòa giải ở cơ sở, hòa giải viên nắm được được tâm tư, nguyện vọng của dân, từ đó tham mưu lại cho chính quyền, cho Đảng những giải pháp căn cơ để xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách phù hợp, “ý Đảng – lòng Dân”.

+ Quan tâm đầu tư trang thiết bị sách, tài liệu pháp luật cho tủ sách pháp luật xã, phường, thị trấn; quan tâm xây dựng tủ sách pháp luật tại nhà văn hóa thôn, xóm... Hơn nữa, thực hiện tốt công tác kiểm tra và chế độ thông tin, báo cáo, thống kê; định kỳ sơ kết, tổng kết và khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác hòa giải ở cơ sở đối với lĩnh vực đất đai.

+ Đảm bảo các điều kiện hoạt động của hòa giải viên, tổ hòa giải như văn phòng phẩm; mua, sao chụp tài liệu phục vụ hoạt động hòa giải; tổ chức các cuộc họp, sơ kết, tổng kết... để họ có khả năng thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ; cần hỗ trợ phương tiện và tạo điều kiện để hòa giải viên, tổ hòa giải hoàn thành tốt nhiệm vụ hòa giải.

1.3.2. Kết quả giải quyết các vụ, việc hòa giải thuộc lĩnh vực đất đai

Kết quả giải quyết các vụ, việc hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai được thể hiện ở số vụ việc hòa giải thành/tổng số vụ việc hòa giải. Đồng thời, được cụ thể hóa trên các nội dung cụ thể như sau:

*** Tiêu chí về hòa giải viên**

- Phải là công dân Việt Nam thường trú tại cơ sở,
- Tự nguyện tham gia hoạt động hòa giải và có phẩm chất đạo đức tốt;
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ
- Có uy tín trong cộng đồng dân cư;
- Có khả năng thuyết phục, vận động nhân dân; có hiểu biết pháp luật.

*** Khi hòa giải phải có căn cứ và đúng quy định pháp luật**

- Bảo đảm tính hiệu lực: Văn bản pháp luật, quy phạm pháp luật được tra cứu, áp dụng trong giải quyết vụ việc phải đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm xảy ra vụ việc.

- Bảo đảm tính chính xác: Các văn bản, điều luật hòa giải viên tra cứu, áp dụng trong giải quyết tình huống phải được trích dẫn chính xác, bảo đảm hiểu đúng quy định pháp luật.

- Bảo đảm tính đầy đủ, toàn diện: Hòa giải viên phải tìm kiếm đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp; làm căn cứ để đưa ra giải pháp tối ưu trong giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp giữa các bên.

*** Quy trình hòa giải**

Hòa giải ở cơ sở là hoạt động tự nguyện, mang tính xã hội, tính cộng đồng nên không quy định thủ tục bắt buộc khi tiến hành hòa giải. Tùy thuộc vào đối tượng, tính chất vụ việc, điều kiện nảy sinh mâu thuẫn, phong tục tập quán, mối quan hệ giữa các bên tranh chấp... mà hòa giải viên chủ động thực hiện hòa giải ở cơ sở.

- Chuẩn bị hòa giải: Hòa giải viên phải tìm hiểu nội dung vụ việc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp, lợi ích mà mỗi bên hướng tới. Thời gian thực hiện các công việc trên là 03 ngày kể từ ngày được phân công hòa giải (Khoản 2 Điều 20 Luật Hòa giải ở cơ sở).

- Tiến hành hòa giải:

Thời hạn tiến hành hòa giải và số lần hòa giải sẽ tùy thuộc vào đối tượng, tính chất, điều kiện, hoàn cảnh mâu thuẫn, tranh chấp, mối quan hệ... của các bên tranh chấp mà hòa giải viên lựa chọn thời điểm tiến hành hòa giải cho phù hợp.

Thành phần tham dự buổi hòa giải gồm những người sau: Hòa giải viên; Các bên có mâu thuẫn, tranh chấp; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; và có thể mời người khác tham gia hòa giải (Việc mời người khác tham gia hòa giải phải được sự đồng ý của các bên mâu thuẫn, tranh chấp. Người được mời có thể là người có uy tín trong dòng họ, ở nơi sinh sống, nơi làm việc; người có trình độ pháp lý, có kiến thức xã hội; già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo, người biết rõ vụ, việc; đại diện của cơ quan, tổ chức hoặc người có uy tín khác.)

- Kết thúc hòa giải: nếu hòa giải thành thì lập văn bản hòa giải

Văn bản hòa giải thành: Căn cứ tiến hành hòa giải; Thông tin cơ bản về các bên; Nội dung chủ yếu của vụ, việc; Diễn biến của quá trình hòa giải; Thỏa thuận đạt được và giải pháp thực hiện, quyền và nghĩa vụ của các bên; Phương thức, thời hạn thực hiện thỏa thuận; Chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên và của hòa giải viên.

Ngoài ra, các bên sau khi hòa giải thành có quyền gửi đơn khởi kiện đến Tòa án để làm thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành (Theo Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án có hiệu lực từ ngày 01/01/2021). Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ở Tòa án có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm và được thi hành theo pháp luật về thi hành án dân sự.

1.3.3. Nhận thức của người dân

Đây là tiêu chí quan trọng trong công tác hòa giải ở cơ sở đối với lĩnh vực đất đai.

Theo "Tư tưởng Bách khoa Việt Nam", nhận thức là quá trình biện chứng của sự phản ánh thế giới khách quan trong ý thức con người, nhờ đó con người tư duy và không ngừng tiến đến gần khách thể. Theo quan điểm triết học Mác-Lênin, nhận thức được định nghĩa là quá trình phản ánh biện chứng hiện thực khách quan vào trong bộ óc của con người, có tính tích cực, năng động, sáng tạo, trên cơ sở thực tiễn.⁷

Thể hiện thông qua ý thức pháp luật cũng như trình độ nhận thức của một bộ phận người dân khi tham gia hòa giải ở cơ sở đối với lĩnh vực đất đai; thể hiện: ý thức tuân thủ pháp luật (Tuân thủ pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật trong đó

⁷Tư tưởng triết học, Nhà xuất bản Tiến bộ - 1986.

các chủ thể pháp luật tự kiểm chế mình, không tiến hành những hoạt động mà pháp luật cấm. Việc các chủ thể pháp luật tự kiểm chế mình không tiến hành những hành động mà pháp luật cấm là những xử sự thụ động, tự ghép mình vào tập thể, vào xã hội, đặt lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng, lợi ích tập thể lên trên lợi ích cá nhân, lợi ích bộ phận.); Ý thức chấp hành pháp luật (Chấp hành pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật mà trong đó các chủ thể pháp luật thực hiện các nghĩa vụ pháp lý của mình với hành động tích cực) để tránh những tranh chấp, mâu thuẫn, vi phạm pháp luật về lĩnh vực đất đai tương tự có thể tiếp tục xảy ra.

Ngoài ra, nhận thức của người dân về vị trí, vai trò và ý nghĩa quan trọng của công tác hòa giải ở cơ sở đối với lĩnh vực đất đai, từ đó sử dụng ngày càng nhiều biện pháp hòa giải để giải quyết các tranh chấp nhỏ trong nội bộ nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân tại cộng đồng; đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

Đồng thời, sau khi được hòa giải, mỗi bên tranh chấp cũng có thể trở thành người tư vấn pháp luật cho những người khác (người thân, gia đình, bạn bè, đồng nghiệp) khi những người này nảy sinh hoặc có nguy cơ nảy sinh tranh chấp tương tự trong các mối quan hệ xã hội.

1.3.4. Nguồn lực

Kinh phí chi hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở được quy định tại Điều 6 Luật Hòa giải ở cơ sở, Điều 12, 13 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP.

Nhà nước sẽ hỗ trợ một phần kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở để biên soạn, phát hành tài liệu; tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng về hòa giải ở cơ sở; sơ kết, tổng kết, khen thưởng đối với công tác hòa giải ở cơ sở; chi thù lao cho hòa giải viên theo vụ, việc và hỗ trợ các chi phí cần thiết khác cho hoạt động hòa giải ở cơ sở như: văn phòng phẩm, phô tô tài liệu...

- Nội dung hỗ trợ kinh phí cho tổ hòa giải và hòa giải viên:

+ Chi hỗ trợ cho tổ hòa giải để mua văn phòng phẩm; mua, sao chụp tài liệu phục vụ hoạt động hòa giải; tổ chức các cuộc họp, sơ kết, tổng kết hoạt động của tổ hòa giải;

+ Chi thù lao cho hòa giải viên theo vụ, việc; chi hỗ trợ cho hòa giải viên khi gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải;

- Các khoản hỗ trợ:

Theo Điều 17 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP, hòa giải viên bị tai nạn hoặc rủi ro làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi đang thực hiện hòa giải hoặc trên đường đi và về từ nơi ở đến địa điểm thực hiện hòa giải trên tuyến đường và trong khoảng thời gian hợp lý, sẽ được hỗ trợ các khoản sau:

+ Chi phí cần thiết, hợp lý cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút;

+ Thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút; nếu thu nhập thực tế của hòa giải viên không ổn định hoặc không thể xác định được thì áp dụng cách tính theo thu nhập bình quân hàng ngày của người làm công ăn lương chia theo khu vực thành thị, nông thôn, loại hình kinh tế ngoài nhà nước trong thời gian cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút.

Gia đình của hòa giải viên bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở được hỗ trợ một lần bằng tiền để chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc hòa giải viên trước khi chết; người tổ chức mai táng được hỗ trợ chi phí cho việc mai táng.

Tiểu kết chương 1

Hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm an ninh, trật tự xã hội, thắt chặt hơn nữa tình đoàn kết, gắn bó của nhân dân. Góp phần quan trọng vào việc giúp nhân dân hiểu, nắm rõ những quy định của pháp luật về đất đai, nâng cao ý thức thực hiện pháp luật và thực hiện pháp luật tốt hơn, ngăn ngừa vi phạm pháp luật, tiết kiệm thời gian và chi phí.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ VỀ LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC – QUA THỰC TIỄN TẠI HUYỆN CHƠN THÀNH VÀ HUYỆN ĐỒNG PHÚ

2.1. Khái quát chung về huyện Chơn Thành, huyện Đồng Phú

2.1.1. Khái quát chung về huyện Đồng Phú

2.1.1.1. Vị trí địa lý

Đồng Phú là huyện nằm ở phía Đông Nam tỉnh Bình Phước, phía Tây giáp huyện Chơn Thành và thành phố Đồng Xoài; phía Bắc giáp huyện Phú Riềng; phía Tây Bắc giáp huyện Hớn Quản; phía Đông giáp huyện Bù Đăng và huyện Vĩnh Cửu của tỉnh Đồng Nai; phía Nam giáp huyện Phú Giáo của tỉnh Bình Dương. Là địa bàn có vị trí chiến lược hết sức quan trọng, có đường Quốc lộ 14 và đường ĐT741 đi qua, đây là những con đường giao thông huyết mạch nối liền Đồng Phú với Tây Nguyên, thành phố Hồ Chí Minh và nước bạn Campuchia. Bên cạnh đó, còn có hàng trăm km đường liên xã và đường ĐT753 nối liền với các xã trong huyện với nhau, rất thuận tiện cho việc giao thương, đi lại.

Đồng Phú có diện tích tự nhiên là 93.542,53 ha, dân số 93.773 người

2.1.1.2. Lịch sử hình thành

Trước năm 1975, huyện Đồng Phú ngày nay vốn là quận Đôn Luân, tỉnh Phước Long, được thành lập ngày 24 tháng 7 năm 1961. Quận Đôn Luân có 4 tổng và 5 xã, quận lỵ đặt tại Đồng Xoài, xã Phước Thiện.

Ngày 11 tháng 3 năm 1977, huyện Đồng Phú được thành lập trên cơ sở sáp nhập 2 huyện Đồng Xoài và Phú Giáo. Khi mới thành lập, huyện gồm 11 xã: An Bình, An Linh, Đồng Xoài, Phú Riềng, Phước Vĩnh, Tân Hiệp, Tân Hòa, Tân Hưng, Tân Lập, Tân Lợi và Tân Thành.

Đến cuối năm 1995, huyện Đồng Phú bao gồm 2 thị trấn: Đồng Xoài (huyện lỵ), Phước Vĩnh và 13 xã: An Bình, An Linh, Đồng Tâm, Phước Sang, Tân Hiệp, Tân Hòa, Tân Hưng, Tân Lập, Tân Lợi, Tân Phước, Tân Thành, Thuận Lợi, Vĩnh Hòa.

Tính đến năm 1998, huyện Đồng Phú bao gồm thị trấn Đồng Xoài và 8 xã: Đồng Tâm, Tân Hòa, Tân Lập, Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Phước, Tân Thành, Thuận Lợi.

Ngày 01 tháng 9 năm 1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 90/1999/NĐ-CP, thành lập thị xã Đồng Xoài (nay là thành phố Đồng Xoài) trên cơ sở tách thị trấn Đồng Xoài và xã Tân Thành cùng với một phần diện tích và nhân khẩu của các xã Tân Phước, Thuận Lợi, Tân Hưng. Huyện còn lại 7 xã: Đồng Tâm, Tân Hòa, Tân Lập, Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Phước và Thuận Lợi.

Hiện nay, huyện Đồng Phú có 1 thị trấn và 10 xã như hiện nay: bao gồm thị trấn Tân Phú (huyện lỵ) và 10 xã gồm: Đồng Tâm, Đồng Tiến, Tân Hòa, Tân Hưng, Tân Lập, Tân Lợi, Tân Phước, Tân Tiến, Thuận Lợi, Thuận Phú.

2.1.1.3. Đặc điểm dân tộc và tôn giáo⁸

Đồng Phú có nhiều thành phần dân tộc cùng sinh sống (bao gồm 14 dân tộc anh em), dân cư tập trung từ mọi miền đất nước nên bản sắc văn hoá rất phong phú, đa dạng với nhiều loại hình văn hoá đặc sắc như: múa cồng chiêng, đi cà kheo (của người Xtiêng), lễ hội té nước (của người Khmer), hát quan họ, hát chèo, đờn ca tài tử (của người Kinh)... Nhưng truyền thống văn hoá lâu đời nhất ở Đồng Phú thuộc về người Xtiêng. Về tín ngưỡng, Đồng Phú có 6 tôn giáo lớn với 16.778 chức sắc, tín đồ, Phật tử, chiếm 21,44% dân số của huyện.

2.1.1.3. Công tác quản lý đất đai từ năm 2018 đến nay

Trong năm 2018: Cấp mới 2.410 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với tổng diện tích 3.902,7 ha, đạt 241% so với chỉ tiêu, ước cuối năm đạt 2.450 Giấy chứng nhận QSD đất, đạt 245% so với chỉ tiêu; giải quyết xong 25/25 đơn thư kiến nghị, khiếu nại về đất đai. Triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018 trên địa bàn huyện. Đề nghị UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019.⁹

Trong năm 2019: Cấp mới 2.132 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với tổng diện tích 3.275,16414 ha, đạt 213% so với kế hoạch, giải quyết xong 47/49 đơn thư

⁸ <https://dongphu.binhphuoc.gov.vn/vi/about/Gioi-thieu-ve-Uy-ban-nhan-dan-huyen-Dong-Phu.html>

⁹ Báo cáo số 340 của UBND huyện Đồng Phú ngày 06/12/2018 về tình hình kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh 11 tháng ước thực hiện năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019.

kiến nghị về đất đai, còn 02 trường hợp đang tiến hành xác minh giải quyết. Triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn huyện. Hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 và ban hành Kế hoạch tuyên truyền người dân thực hiện nghĩa vụ đăng ký đất đai, vận động hiến đất làm đường giao thông thuộc nội dung Chương trình xây dựng nông thôn mới.¹⁰

Trong năm 2020: Thực hiện công bố công khai điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện; lập hồ sơ điều chỉnh các chỉ tiêu trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2020 theo chỉ tiêu UBND tỉnh phân bổ sung. Cấp mới 2.541 giấy chứng nhận, với tổng diện tích 4.596 ha, đạt 127,05% kế hoạch; ước cả năm cấp mới 2.600 giấy chứng nhận, đạt 130% kế hoạch; giải quyết xong 36/39 trường hợp kiến nghị về đất đai, hiện còn 03 trường hợp đang tiến hành xác minh giải quyết.¹¹

Năm 2021: Phát động chiến dịch 210 ngày đêm để giải quyết hồ sơ trễ hạn, với sự tham gia hưởng ứng của đông đảo đội ngũ CBCC, người lao động trong huyện. Kết quả: Giải quyết dứt điểm số lượng giấy chứng nhận QSD đất trễ hạn, từ đó tạo sự phấn khởi và củng cố niềm tin trong Nhân dân. Cấp mới 2.683 Giấy chứng nhận QSD đất, với tổng diện tích 4.639 ha, đạt 134,15% kế hoạch về số GCN và 231,5% về diện tích đất được giao. Ước thực hiện cả năm cấp mới 3.000 giấy chứng nhận QSD đất, đạt 150% kế hoạch. Hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2022. Giải quyết 57/60 trường hợp kiến nghị về đất đai, còn 03 trường hợp đang tiến hành xác minh giải quyết.¹²

2.1.2. Khái quát chung về huyện Chợ Thành

2.1.2.1. Vị trí địa lý

¹⁰Báo cáo số 382 của UBND huyện Đồng Phú ngày 03/12/2019 về tình hình kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh 11 tháng ước thực hiện năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020.

¹¹ Báo cáo số 515 của UBND huyện Đồng Phú ngày 03/12/2020 về kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh 11 tháng, ước thực hiện năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021

¹²Báo cáo số 378 của UBND huyện Đồng Phú ngày 30/11/2021 về kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh 10 tháng ước thực hiện năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022

Huyện Chơn Thành nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Bình Phước, cách trung tâm thành phố Đồng Xoài khoảng 35 km, cách thành phố Thủ Dầu Một (tỉnh Bình Dương) khoảng 55 km và cách trung tâm thành phố Hồ Chí Minh khoảng 80 km. Chơn Thành là huyện có nhiều điều kiện thuận lợi trong thu hút đầu tư phát triển mạnh công nghiệp - dịch vụ.

Với địa hình tương đối bằng phẳng, vị trí địa lý gần các trung tâm công nghiệp lớn, có 2 tuyến đường huyết mạch là Quốc lộ 13 và Quốc lộ 14 và tuyến đường Hồ Chí Minh ngang qua có vai trò kết nối các tỉnh khu vực miền Đông Nam bộ, Tây Nguyên, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và Tây Nam bộ, thuận lợi cho việc giao thương vận chuyển hàng hóa. Hiện tại, địa bàn huyện có 4 khu công nghiệp đang hoạt động, gồm khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc với diện tích 193 ha, khu công nghiệp Minh Hưng III với diện tích 292 ha, khu công nghiệp Chơn Thành I với diện tích 125 ha, khu công nghiệp Chơn Thành II với diện tích 76 ha và Khu liên hợp công nghiệp và đô thị Becamex Bình Phước với diện tích 4.633,28 ha (trong đó khu công nghiệp khoảng 2.448,27 ha và khu dân cư, tái định cư khoảng 2.185 ha) có tổng mức đầu tư trên 20.000 tỷ đồng được triển khai vào tháng 9/2015.

2.1.2.2. Lịch sử hình thành

Huyện Chơn Thành được thành lập theo Nghị định số 17/2003/NĐ-CP ngày 20/2/2003 của Chính phủ gồm 7 xã (Minh Long, Minh Thành, Tân Quan, Nha Bích, Minh Lập, Minh Thắng, Minh Hưng) và thị trấn Chơn Thành.

Ngày 16/5/2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 60/2005/NĐ-CP thành lập xã Thành Tâm huyện Chơn Thành trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của thị trấn Chơn Thành và ngày 10/4/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 14/NĐ-CP, thành lập xã Quang Minh, huyện Chơn Thành trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số xã Tân Quan. Tại Nghị định số 35/NĐ-CP ngày 11/8/2009 của Chính phủ quyết định điều chuyển toàn bộ diện tích và dân số của xã Tân Quan về huyện Bình Long quản lý.

Sau khi thực hiện các Nghị định của Chính phủ về điều chỉnh địa giới hành chính, đến thời điểm hiện nay, huyện Chơn Thành có 09 đơn vị hành chính cấp xã gồm xã, thị trấn, gồm 08 xã và 01 thị trấn (Minh Long, Minh Thành, Quang Minh, Nha Bích, Minh Lập, Minh Thắng, Minh Hưng, Thành Tâm và thị trấn Chơn Thành).

2.1.2.2. Đặc điểm về dân tộc và tôn giáo¹³

Về dân tộc: Cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện Chơn Thành gồm 25 dân tộc anh em như: Kinh, STiêng, Khơme, Tàmun, Châu Ro, Hoa... trong có các dân tộc thiểu số chiếm khoảng hơn 8% dân số.

Về tôn giáo: Trên địa bàn huyện có hơn 30 cơ sở thờ tự, có ba tôn giáo chính là Công giáo (chiếm hơn 10% dân số), Phật giáo (chiếm khoảng 3% dân số), Tin Lành (chiếm khoảng gần 4% dân số). Ngoài ra còn một số ít người theo các tôn giáo khác. Lao động trên địa bàn huyện chủ yếu là lao động phi nông nghiệp.

2.1.2.3. Công tác quản lý đất đai từ năm 2018 đến nay

Năm 2018: Công tác quản lý đất đai được tăng cường, giải quyết kịp thời các thủ tục hành chính về đất đai cho hộ gia đình, cá nhân. Tỷ lệ diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) toàn huyện đạt 90,31%; quản lý đất công tiếp tục được quan tâm. Hoàn thành đề án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất năm 2019.¹⁴

Năm 2019: Thực hiện hoàn thành đảm bảo yêu cầu đối với các nhiệm vụ: kiểm kê đất đai, kế hoạch sử dụng đất, xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất,... theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Công tác quản lý đất đai được tăng cường, việc kiểm tra xử lý các trường hợp tự ý mở đường phân lô, sử dụng đất sai mục đích được tập trung triển khai và thực hiện quyết liệt từ huyện đến xã, thị trấn. Giải quyết thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp GCNQSDĐ, chỉnh lý biến động... đảm bảo đúng quy định, tỷ lệ đúng hạn chiếm 96,7%. Tổng diện tích đã cấp GCNQSDĐ trên toàn huyện là 32.400,46ha, đạt tỷ lệ 90,55% tổng diện tích cần cấp. Các vụ việc khiếu nại, kiến nghị về lĩnh vực đất đai

¹³ <https://chonthanh.binhphuoc.gov.vn/vi/about/GIOI-THIEU-CHUNG-3.html>

¹⁴ Báo cáo số 230 của UBND huyện Chơn Thành ngày 18/12/2018 về tóm tắt tình hình kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh năm 2018 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2019.

phát sinh nhiều (chủ yếu là kiến nghị liên quan đến khôi phục đường giao thông, điều chỉnh đất ở, ...), kết quả giải quyết cơ bản đạt yêu cầu (chuyển sang: 4 đơn, phát sinh 81 đơn; đã giải quyết xong 55 đơn, còn đang trong thời hạn xác minh làm rõ).¹⁵

Năm 2020: Công tác quản lý đất đai được tăng cường chỉ đạo, các hồ sơ, thủ tục hành chính về đất đai được quan tâm giải quyết. Đặc biệt, sau khi UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 và phân bổ bổ sung chỉ tiêu đất ở, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất tăng mạnh cùng trong một thời điểm nên việc tiếp nhận và giải quyết gặp nhiều khó khăn, vượt quá khả năng thực hiện, dẫn đến tỷ lệ hồ sơ trễ hạn rất nhiều. Việc giao đất, cho thuê đất, cấp GCNQSDĐ, chỉnh lý biên động đất được triển khai thực hiện đúng quy định¹⁶. Tỷ lệ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn huyện đạt 90,6% so với tổng diện tích cần cấp GCNQSDĐ.¹⁷

Năm 2021: Công tác quản lý đất đai được tăng cường, thực hiện theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021. Việc giao đất, cho thuê đất, cấp GCNQSDĐ, chỉnh lý biên động đất được triển khai thực hiện đúng quy định¹⁸, tỷ lệ cấp GCNQSDĐ đạt khoảng 90,8% trên tổng diện tích đất cần cấp giấy. Triển khai chỉ đạo nâng cao trách nhiệm của UBND các xã, thị trấn trong công tác quản lý đất công và thực hiện kết luận sau thanh tra đất công, kiểm tra xử lý tình trạng tự ý mở đường, sử dụng đất sai mục đích¹⁹.

Trong 06 tháng đầu năm 2022: Công tác quản lý đất đai tiếp tục được tăng cường; các hồ sơ, thủ tục hành chính về đất đai được giải quyết đảm bảo yêu cầu. Huyện Chơn Thành đã hoàn thiện và công bố Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

¹⁵ Báo cáo số 182 của UBND huyện Chơn Thành ngày 4/12/2019 về tình hình kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020.

¹⁶ Giao đất có thu tiền sử dụng đất (tái định cư, trúng đấu giá quyền sử dụng đất) 314 lô đất với diện tích 66.084,6m² đất ở; chuyển mục đích sử dụng đất 2580 trường hợp, diện tích 934.339,9m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở; cấp 415 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo nhu cầu cho hộ gia đình, cá nhân với diện tích 406.379,4m² (trong đó có 34.542,4m² đất ở và 371,837,0m² đất sản xuất nông nghiệp).

¹⁷ Báo cáo số 229 của UBND huyện Chơn Thành ngày 4/12/2020 về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021.

¹⁸ Giao đất có thu tiền sử dụng đất 30 lô đất với diện tích 8.000m² đất ở (giao đất tái định cư, trúng đấu giá quyền sử dụng đất); cho thuê đất 09 trường hợp, với diện tích 160.185,3m²; chuyển mục đích sử dụng đất 2.800 trường hợp, diện tích 1.038.189,8m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở; cấp 64 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo nhu cầu cho hộ gia đình, cá nhân với diện tích 127.266,9m² (trong đó có 9.770,1 m² đất ở và 117.496,8m² đất sản xuất nông nghiệp).

¹⁹ Báo cáo số 271 của UBND huyện Chơn Thành ngày 6/12/2021 về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022.

(UBND tỉnh đã phê duyệt tại Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 25/3/2022) và Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 (UBND tỉnh đã phê duyệt tại Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 29/3/2022); hoàn thành công tác thống kê đất đai năm 2021.²⁰

Tình hình quản lý đất đai trên địa bàn các huyện Đồng Phú và Chơn Thành trong thời gian qua cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Tuy nhiên, vẫn còn đang khiếu nại, kiến nghị về đất đai, tìm ẩn những mâu thuẫn, tranh chấp về đất đai đòi hỏi các cấp, các ngành tập trung xem xét và nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tài sản của Nhà nước và bảo đảm sự công bằng xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay.

2.2. Tình hình công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

Bảng 1: Bảng số vụ việc hòa giải trên địa bàn hai huyện Đồng Phú và Chơn Thành

STT	Nội dung		Vụ hòa giải thuộc lĩnh vực đất đai	Vụ việc đất đai hòa giải thành	Vụ việc đất đai hòa giải không thành	Tỷ lệ % hòa giải thành
1	HUYỆN ĐỒNG PHÚ	Năm 2018	63	62	01	98.41%
		Năm 2019	13	08	05	61.54%
		Năm 2020	17	16	01	94,12%
		Năm 2021	09	09	00	100%
		Tổng cộng	102	95	07	93.14%
2	HUYỆN CHƠN THÀNH	Năm 2018	43	19	24	44.12%
		Năm 2019	51	17	34	33.33%
		Năm 2020	98	29	69	29.59%
		Năm 2021	72	28	44	38.89%

²⁰ Báo cáo số 134 của UBND huyện Chơn Thành ngày 21/7/2022 về tóm tắt tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022.

		Tổng cộng	264	93	171	35,23%
--	--	------------------	-----	----	-----	--------

(Nguồn; Phòng Tư pháp huyện Chơn Thành và huyện Đồng Phú)

Biểu hiện tranh chấp đất đai thường được tiến hành hòa giải ở cơ sở gồm tranh chấp đất đường đi, ngõ xóm, ranh giới đất ở, đất vườn, đất sản xuất thuộc quyền sử dụng của các hộ gia đình, tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất khi các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện các giao dịch chuyển quyền sử dụng đất cho nhau; tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất; tranh chấp liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất...

Qua bảng số liệu trên cho thấy:

Đối với huyện Đồng Phú: trong 4 năm từ năm 2018 đến năm 2021 tổng số vụ việc hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai là 102 vụ việc, trong đó hòa giải thành là 95 vụ (chiếm 93,14%), tỷ lệ hòa giải thành là cao, hòa giải không thành là 7 vụ (chiếm 6,86%). Đồng thời, qua bảng số vụ hòa giải ở huyện Đồng Phú năm 2021, có số vụ hòa giải ít là 9 vụ (nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên số vụ việc hòa giải ít), tuy nhiên trong năm 2021, không có vụ việc hòa giải không thành.

Đối với huyện Chơn Thành: trong 4 năm từ năm 2018 đến năm 2021, tổng số vụ hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai là 264 vụ, trong đó số vụ hòa giải thành là 93 vụ (chiếm 35,23%), số vụ hòa giải thành chưa được 50% trong tổng số vụ hòa giải; Tỷ lệ hòa giải không thành đối với vụ việc hòa giải đối với lĩnh vực đất đai ở huyện Chơn Thành khá cao, 171/264 (chiếm tỷ lệ 64,77%) so với tổng số vụ hòa giải. (Xem phụ lục 2).

Mặt khác, qua phân tích số liệu của hai huyện nhận thấy: số vụ việc hòa giải ở cơ sở về đất đai ở huyện Đồng Phú chiếm tỷ lệ cao hơn, đạt 93,14%, trong khi đó số vụ việc hòa giải ở cơ sở về đất đai huyện Chơn Thành chiếm tỷ lệ thấp, đạt 35,23% (chưa đạt được 50%).

Tỷ lệ hòa giải thành ở Đồng Phú cao hơn huyện Chơn Thành có thể do xuất phát từ một số yếu tố như sau:

Thứ nhất, đặc điểm dân tộc và tôn giáo (huyện Đồng Phú có 14 dân tộc anh em và có 6 tôn giáo lớn; trong khi ở huyện Chơn Thành gồm 25 dân tộc anh em và có ba tôn giáo chính).

Thứ hai, lao động ở huyện Chơn Thành chủ yếu là phi nông nghiệp (lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 76.021 người, chiếm 97,45% tổng số lao động toàn huyện; lao động phi nông nghiệp toàn huyện là 53.387 người, chiếm 70,23%. Tỷ lệ lao động khu vực nông - lâm - ngư nghiệp giảm khoảng 5%/năm trong giai đoạn 2013-2022.²¹

Thứ ba, giá trị quyền sử dụng đất ở huyện Chơn Thành cao hơn so với huyện Đồng Phú và sự biến động về thị trường đất đai ở Chơn Thành sôi động hơn so với huyện Đồng Phú.

Thứ tư, về quy trình về công tác hòa giải ở cơ sở đối với huyện Chơn Thành, còn xem việc hòa giải là đơn giản, chỉ mời các bên tiến hành hòa giải miệng, không vào sổ thống kê hồ sơ, nhất là đối với những vụ việc hòa giải thành, nên việc thống kê, báo cáo tỷ lệ hòa giải thành ở cơ sở thấp hơn so với vụ việc hòa giải trên thực tế.

2.2.1. Kết quả đạt được

2.2.1.1. Kết quả thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách về công tác hòa giải

Hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai trên địa bàn 02 huyện Chơn Thành và Đồng Phú đã bám sát chủ trương, đường lối chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác hòa giải, thể hiện như: Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp, trong đó đề ra nhiệm vụ: “*Khuyến khích việc giải quyết một số tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải, trọng tài,...*”; Luật Hòa giải ở cơ sở, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014, bao gồm 5 chương, 33 Điều quy định nguyên tắc, chính sách của Nhà nước về hòa giải ở cơ sở, hòa giải viên, tổ hòa giải; hoạt động hòa giải ở cơ sở; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong hoạt động hòa giải ở cơ sở; Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính

²¹ <https://chonthanh.binhphuoc.gov.vn/vi/about/GIOI-THIEU-CHUNG-3.html>

phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở; Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTWMTTQVN ngày 18/11/2014 giữa Chính phủ và Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam cũng ban hành hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

2.2.1.2. Công tác bồi dưỡng, tập huấn hòa giải viên

Hòa giải viên cũng được quan tâm tập huấn để nâng cao trình độ pháp luật theo nghị quyết số 4077/QĐ-BTP ngày 31/12/2014 của Bộ Tư pháp về Chương trình khung bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên và Quyết định số 4080/QĐ-BTP ngày 31/12/2014 ban hành Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở; Luật Đất đai 2013 và các Nghị định hướng dẫn về Luật Đất đai. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng góp phần làm cho công tác hòa giải ở cơ sở phát huy được hiệu quả trong giải quyết các tranh chấp ở cơ sở.

2.2.1.3. Xây dựng, kiện toàn tổ hòa giải, hòa giải viên

Số lượng thành viên của mỗi tổ hòa giải trung bình từ 05-07 hòa giải viên/tổ, thành phần tổ hòa giải đa số có hòa giải viên nữ, đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số có hòa giải viên là người dân tộc thiểu số. Tính đến tháng 12 năm 2021, huyện Chơn Thành với 70 tổ hòa giải được thành lập tại khu phố, ấp với 400 hòa giải viên, trong đó nam là 284 người, nữ 116 người, người dân tộc thiểu số 21 người. Về trình độ chuyên môn, có 01 hòa giải viên có chuyên môn Luật, tất cả hòa giải viên được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (400 hòa giải viên) (*Xem phụ lục 4*). Đối với huyện Đồng Phú, với 73 tổ hòa giải được thành lập tại thôn, khu phố với 418 hòa giải viên, trong đó nam là 308, nữ là 110 người, trong đó người dân tộc thiểu số 119 người. Về trình độ chuyên môn, có 10 hòa giải viên có chuyên môn luật. Tất cả hòa giải viên được bồi dưỡng, chuyên môn nghiệp vụ là 418 người. (*Xem phụ lục 3*).

Đa số các hòa giải viên là những người có uy tín, phẩm chất đạo đức tốt, sống gương mẫu, có khả năng vận động, thuyết phục nhân dân chấp hành pháp luật, có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình tham gia công tác hòa giải. Do đó, bảo đảm hoạt động hòa giải đạt hiệu quả cao; đồng thời, bảo đảm được sự phối hợp chặt chẽ của các tổ

chức chính trị - xã hội, các tổ chức, đoàn thể của nhân dân trong công tác hòa giải ở cơ sở.

Hòa giải viên đa số có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật hòa giải ở cơ sở; các vụ việc hòa giải thành đạt 90% trở lên (như ở huyện Đồng Phú); vận dụng linh hoạt, có hiệu quả các phương pháp, cách thức hòa giải kết hợp với tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho các bên tranh chấp; chủ động mời, phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng dân cư, trong dòng họ... tham gia công tác hòa giải ở cơ sở).

2.2.1.4. Hiệu quả thực hiện nhiệm vụ hòa giải của tổ hòa giải, hòa giải viên

Đa số vụ việc tiến hành hòa giải ở cơ sở về đất đai trên địa bàn huyện Chơn Thành và huyện Đồng Phú, diễn ra theo đúng quy định của pháp luật (đảm bảo các tiêu chuẩn về hòa giải viên, phạm vi hòa giải, nguyên tắc hoạt động...) đạt trên 50% (huyện Đồng Phú đúng do pháp luật quy định chiếm 82%, huyện Chơn Thành đúng do pháp luật quy định chiếm 62%). *(Xem phụ lục 7 và 8)*

Trước khi thực hiện việc hòa giải ở cơ sở đối với lĩnh vực đất đai: Hòa giải viên phải tìm hiểu nội dung vụ việc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp, lợi ích mà mỗi bên hướng tới nhằm đạt đến thành công của việc hòa giải.

Trong quá trình thực hiện việc hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai tại huyện Đồng Phú và Chơn Thành, nhận thấy:

Đa số hòa giải viên đều thực hiện việc giải thích cho người dân về quyền và nghĩa vụ khi tham gia hòa giải ở cơ sở (huyện Đồng Phú chiếm tỷ lệ 92%, huyện Chơn Thành chiếm tỷ lệ 83%). *(Xem phụ lục 7 và 8)*

Ngoài ra, không chỉ vận dụng các quy định pháp luật mà còn vận dụng các công cụ khác (văn hóa, đạo đức, thuần phong, mỹ tục, đạo lý, truyền thống ...) để giải thích, hướng dẫn, thuyết phục các bên, giúp họ hiểu được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về đất đai, về tình làng nghĩa xóm... để họ tự lựa chọn, tự dàn xếp ổn thỏa với nhau mâu thuẫn, tranh chấp.

Sau khi hòa giải thực hiện việc hòa giải ở cơ sở đối với lĩnh vực đất đai: tổ hòa giải, đội ngũ hòa giải viên, thực hiện việc lập biên bản, ghi chép vào sổ, thống kê số liệu theo quy định.

2.2.1.5. Công tác tuyên truyền về công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

Về công tác tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức về công tác hòa giải ở cơ sở đối với lĩnh vực đất đai đã được nâng lên. Nhiều địa phương có cách làm hay đã đưa Luật hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành thật sự đi vào cuộc sống, đặc biệt về vị trí, vai trò và ý nghĩa quan trọng của công tác này, góp phần nâng cao nhận thức của toàn xã hội. Thể hiện qua Phiếu khảo sát đối với người dân trên địa bàn 02 huyện về việc tuyên truyền, hướng dẫn về Luật Hòa giải ở cơ sở, Luật đất đai, một số văn bản hướng dẫn liên quan đến đất đai, trên địa bàn huyện Đồng Phú đạt 84%, trên địa bàn huyện Chơn Thành đạt 90%) (Xem phụ lục 7 và 8).

2.2.1.6. Kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

Chính quyền địa phương đã quan tâm, bố trí nguồn kinh phí nhất định phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động hòa giải ở cơ sở nên đã khích lệ, động viên các hòa giải viên thực hiện hòa giải, phát huy tinh thần trách nhiệm vì cộng đồng.

Riêng huyện Chơn Thành đã chi thù lao cho hòa giải viên, chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải đúng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30/7/2014 của Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính và Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 12/6/2015 của UBND tỉnh Bình Phước quy định một số khoản chi, mức chi có liên quan đến hòa giải viên, trong kỳ tổng kinh phí hỗ trợ và chi thù lao cho tổ hòa giải trên địa bàn huyện Chơn Thành là: 30.450.000 đồng.²²

2.2.2. Hạn chế, tồn tại

2.2.1. Trình độ của đội ngũ hòa giải viên

²² Năm 2018: Báo cáo số 118/BC-PTP báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ tư pháp năm 2018, phương hướng năm 2019; Năm 2019, 2020, 2021: Biểu số: 11c/BTP/PBGDPL/HGCS-TCPL ban hành theo Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019.)

Trình độ chuyên môn của hòa giải viên: số hòa giải viên có trình độ chuyên môn về luật chiếm số ít, tính đến tháng 06 năm 2021 ở huyện Đồng Phú là 10 hòa giải viên, chưa qua đào tạo chuyên môn luật là 408 hòa giải viên (*Xem phụ lục 3*). Ở huyện Chơn Thành hòa giải viên có trình độ chuyên môn luật rất ít 01 người, có 399 hòa giải viên chưa được đào tạo về chuyên môn luật. (*Xem phụ lục 4*).

Ngoài ra, một bộ phận không nhỏ hoà giải viên ở một số nơi chưa chú tâm trang bị đầy đủ kiến thức pháp lý chuyên sâu về hòa giải; đặc biệt là quy định về luật đất đai, và kỹ năng, nghiệp vụ kinh nghiệm cần thiết để thực hiện nhiệm vụ nên dẫn đến vụ việc hòa giải ở một số nơi không thành công. Theo đánh giá của người dân về kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của của hòa giải viên ở cơ sở đối với huyện Chơn Thành và huyện Đồng Phú như sau:

Bảng 2: Bảng điều tra lấy ý kiến người dân tại hai huyện Chơn Thành và Đồng Phú về kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của hòa giải viên ở cơ sở

Mức độ	Huyện Chơn Thành	Huyện Đồng Phú
Đủ đáp ứng	42%	54%
Đáp ứng một phần	53%	44%
Chưa đáp ứng	05%	02%

2.2.2.2. Công tác bồi dưỡng, tập huấn hòa giải viên

Việc tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật và phổ biến kinh nghiệm thực tiễn, đào tạo kỹ năng hòa giải, cung cấp tài liệu pháp luật, tài liệu nghiệp vụ cho hòa giải viên ở một số địa phương chưa được thực hiện thường xuyên và kịp thời. Bên cạnh đó, nội dung tập huấn vẫn chưa chú trọng bồi dưỡng, trao đổi về kỹ năng hòa giải, phương pháp tập huấn, bồi dưỡng chậm được đổi mới, chủ yếu vẫn sử dụng phương pháp truyền thống (báo cáo viên thuyết trình, đối tượng được tập huấn tiếp thu) nên hiệu quả vẫn chưa cao.

2.2.2.3. Công tác tuyên truyền về công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

Việc tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật còn nặng tính hình thức, chưa thật sự đem lại hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của nhân dân bởi vì người dân chưa thực sự

biết rõ quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở đối với lĩnh vực đất đai như huyện Đông Phú (Biết rõ nhưng chưa đầy đủ chiếm 38%, Không biết 16%); ở huyện Chơn Thành (Biết rõ nhưng chưa đầy đủ chiếm 71%, Không biết 15%); (Xem phụ lục 7 và 8.)

Tỷ lệ cán bộ, công chức được cử xuống cùng tham gia hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai với tổ hòa giải, hòa giải viên còn thấp (huyện Đông Phú: UBND cấp xã không cử cán bộ, công chức xuống cùng tham gia với tổ hòa giải chiếm tỷ lệ 44%; huyện Chơn Thành: UBND cấp xã không cử cán bộ, công chức xuống cùng tham gia với tổ hòa giải chiếm tỷ lệ 57%); (Xem phụ lục 7 và 8).

2.2.2.4. Quy trình về công tác hòa giải ở cơ sở

Một số tổ hòa giải, hòa giải viên khi tiến hành hòa giải ở cơ sở về đất đai chưa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hoặc có lúc đúng, có lúc không (huyện Đông Phú: chưa đúng quy định của pháp luật quy định chiếm 14%, có lúc đúng, có lúc không đúng chiếm 04%); huyện Chơn Thành: chưa đúng quy định của pháp luật quy định chiếm 17%, có lúc đúng, có lúc không đúng chiếm 21%) (Xem phụ lục 7 và 8) như quy trình về công tác hòa giải ở cơ sở, còn xem việc hòa giải là đơn giản, chỉ mời các bên tiến hành hòa giải miệng, không vào sổ thống kê hồ sơ, nhất là đối với những vụ việc hòa giải thành, nên việc thống kê, báo cáo tỷ lệ hòa giải thành ở cơ sở thấp hơn so với vụ việc hòa giải trên thực tế.

Mặt khác, một số tổ hòa giải chưa chú trọng đến công tác theo dõi, ghi chép sổ sách, biên bản hòa giải dẫn đến khó khăn trong quá trình thanh toán chế độ theo quy định.

2.2.2.4. Nguồn lực đối với công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

Việc bố trí kinh phí thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai còn hạn chế chẳng hạn như:

- Phòng, nơi làm việc tổ chức để mời các bên tiến hành hòa giải: không có (chủ yếu là phòng làm việc của công chức địa chính cấp xã; văn phòng khu phố ấp; hoặc mời các bên hòa giải ngay tại địa điểm tranh chấp, mâu thuẫn; hoặc nhà của tổ trưởng tổ hòa giải...).

- Văn phòng phẩm; mua, sao chụp tài liệu phục vụ hoạt động hòa giải; tổ chức các cuộc họp, sơ kết, tổng kết phục vụ cho công tác hòa giải ở cơ sở về đất đai chưa được đảm bảo.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết vụ việc hòa giải chưa được thực hiện bởi vì không có các công cụ hỗ trợ, trang thiết bị phục vụ như máy tính, bàn ghế...và cấp xã chưa được cấp máy đo đạc địa chính.

- Chế độ hỗ trợ cho hòa giải viên, những người làm công tác hòa giải: Còn có địa phương như huyện Đồng Phú chưa bố trí nguồn ngân sách nhà nước cấp huyện để thực hiện chi chế độ cho công tác hòa giải ở cơ sở theo Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 12/6/2015 của UBND tỉnh.

- Việc huy động nguồn lực cho công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai chưa được tiến hành một cách đồng bộ và thống nhất.

Ngoài ra, công tác sơ kết, tổng kết xét khen thưởng hàng năm của UBND cấp huyện, cấp xã đối với các tổ hòa giải và hòa giải viên chưa được quan tâm thực hiện nên chưa khuyến khích, động viên cho các hòa giải viên.

2.3. Nguyên nhân

2.3.1. Nguyên nhân đạt được

Sự quan tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, sự quản lý của chính quyền cơ sở trong thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao (ban hành Chỉ thị, Kế hoạch, tạo điều kiện về cơ sở vật chất kinh phí...) đối với công tác hòa giải, trong đó có hòa giải về đất đai làm công tác hòa giải ở địa phương đó phát triển, phong trào hòa giải lớn mạnh.

Trách nhiệm của người lãnh đạo, quản lý đối với việc chỉ đạo, quản lý công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai thể hiện qua Phiếu khảo sát trong Nhân dân, trách nhiệm cao chiếm tỷ lệ 82% ở huyện Đồng Phú và chiếm tỷ lệ 96% ở huyện Chơn Thành (*Xem phụ lục 7 và 8*).

2.3.2. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

2.3.2.1. Về nhận thức

Ở một số địa phương, cấp ủy, chính quyền chưa thực sự nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của công tác hòa giải đối với đời sống xã hội, chưa thường xuyên rà soát, đánh giá các số liệu về công tác hòa giải ở cơ sở, đặc biệt về lĩnh vực đất đai, từ đó có biện pháp củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ hòa giải, cũng như thiếu sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất cho công tác này; chưa phát huy hết trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về công tác hòa giải ở cơ sở tại địa phương.

Ngoài ra, một số bộ phận hòa giải viên nhận thức chưa đầy đủ về vị trí, vai trò, ý nghĩa của công tác hòa giải ở cơ sở; cũng như tầm quan trọng của đội ngũ hòa giải viên – đóng vai trò quan trọng, quyết định đến sự thành công của công tác hòa giải ở cơ sở.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận ở một số nơi chưa nhận thức rõ vai trò, vị trí nòng cốt của mình trong công tác hòa giải, nên chưa chủ động tham mưu, đề xuất kịp thời với cấp ủy Đảng về những mâu thuẫn, tranh chấp về đất đai của các tầng lớp nhân dân để cấp ủy Đảng có chủ trương, Nghị quyết đúng đắn, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương; chưa tham gia tích cực, chủ động vào việc củng cố, kiện toàn tổ chức của tổ hòa giải, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động hòa giải ở địa phương, đặc biệt là vai trò tham gia còn mờ nhạt của Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc ở cơ sở – là người đứng đầu Mặt trận Tổ quốc.

Bên cạnh đó, một bộ phận không nhỏ người dân chưa tin tưởng các tổ hòa giải, hòa giải viên vì đất đai là lĩnh vực phức tạp liên quan đến lịch sử để lại, nguồn gốc đất và có rất nhiều văn bản pháp luật hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung về lĩnh vực đất đai. Hơn nữa, tổ hòa giải, hòa giải viên khi giải quyết xong thì văn bản giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn đó không có ràng buộc về mặt pháp lý hoặc họ muốn giải quyết nhanh chóng các mâu thuẫn, tranh chấp của mình nên không thông qua tổ hòa giải mà nộp đơn lên các cơ quan cấp trên.

2.3.2.2. Về thể chế, chính sách

Quy định về trình tự, thủ tục trong hoà giải ở cơ sở về tranh chấp đất đai không có quy định về hiệu lực pháp lý của tổ hòa giải, hòa giải viên chẳng hạn như biên bản hòa giải thành của tổ hòa giải, hòa giải viên không có giá trị pháp lý ràng buộc các bên thực hiện.

Pháp luật đất đai cũng chưa có quy định cụ thể một số trường hợp phát sinh trong quá trình hoà giải về tranh chấp đất đai tại của tổ hòa giải, hòa giải viên ở cơ sở.

Về nguyên tắc hoà giải tranh chấp đất đai pháp luật hiện hành lại không có quy định đề cập đến vị trí, vai trò của các yếu tố phong tục, tập quán, đạo đức, các thiết chế văn hóa truyền thống trong hòa giải tranh chấp đất đai; quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên tranh chấp cũng như người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ tranh chấp trong hoà giải. Chủ thể tiến hành hòa giải chưa đảm bảo tính trung lập, độc lập, khách quan, không nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đương sự, tổ chức hòa giải còn vi phạm trình tự, thủ tục, nguyên tắc giải quyết tranh chấp đất đai. Tổ chức hòa giải còn có nơi thực hiện chiếu lệ, cho xong, cho có mà không quan tâm đến chất lượng cũng như kết quả của cuộc hòa giải.

Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong công tác hòa giải chưa được Luật quy định rõ, các quy định đảm bảo chức năng quản lý nhà nước của cơ quan tư pháp đối với hoạt động hòa giải chưa đầy đủ.

2.3.2.3. Về tổ chức, con người

Cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở kiêm nhiệm nhiều công việc dẫn đến hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở chưa đảm bảo. Chẳng hạn như một số công chức địa chính – giao thông xây dựng được phân công phụ trách, quản lý về công tác hòa giải ở cơ sở lại kiêm nhiệm nhiều công việc, nên chưa dành nhiều thời gian cho công tác này và định kỳ luân chuyển theo vị trí công việc nên cũng dẫn đến việc nắm thông tin về nguồn và người sử dụng đất, tình hình đất đai chưa kịp thời.

Đội ngũ hòa giải viên còn thiếu phương pháp, kỹ năng và kiến thức pháp luật chuyên sâu về hòa giải; đặc biệt là văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đất đai.

2.3.2.4. Về các điều kiện bảo đảm

Đầu tư, hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất không đáng kể, không đồng đều, thiếu thống nhất.

- Nguồn ngân sách nhà nước ở cấp huyện, đặc biệt là ở cấp xã còn khó khăn nên việc bố trí kinh phí cho công tác hòa giải chưa nhiều, thậm chí có huyện Đồng Phú không có hỗ trợ kinh phí cho vụ việc *hòa giải thành công hoặc không thành công*.

- Kinh phí cho người làm công tác hòa giải ở cơ sở thậm chí có nơi chưa hỗ trợ (như huyện Đồng Phú), chưa cao (200.000 đồng/vụ hòa giải thành công, 150.000 đồng/1 vụ hòa giải không thành công); hơn nữa thủ tục để nhận kinh phí thì người làm công tác hòa giải ở cơ sở phải chứng minh có vụ việc hòa giải nên một phần cũng ảnh hưởng đến quá trình mời, họp giải quyết tranh chấp ở địa phương.

Việc hỗ trợ, trang bị tài liệu pháp luật để hòa giải viên tự nghiên cứu, tìm hiểu nhằm nâng cao năng lực hoạt động về công tác hòa giải về đất đai cũng như việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng cho đội ngũ hòa giải viên còn rất hạn chế.

Việc huy động nguồn kinh phí ngoài xã hội cho công tác hòa giải cũng còn khó khăn. Chưa huy động được các tổ chức, cá nhân đóng góp, hỗ trợ tài chính, cơ sở vật chất cho công tác hòa giải ở cơ sở.

2.3.2.5. Nguyên nhân khác

Sự phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc, Hội liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Công an xã... với tổ hòa giải, hòa giải viên trong công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai chưa được thực hiện một cách thường xuyên và thiếu sự chủ động. Do đó, công tác hòa giải ở cơ sở đối với lĩnh vực đất đai chưa phát huy được hiệu quả, các mâu thuẫn tranh chấp trong nội bộ nhân dân chưa giải quyết kịp thời, dẫn đến hạn chế tình trạng đơn thư khiếu kiện vượt cấp, ổn định an ninh trật tự – xã hội, lòng tin của Nhân dân vào Đảng và chính quyền được tăng cao.

Đất đai là tài sản đặc biệt có liên quan đến chủ quyền đất nước, là vấn đề hệ trọng, phức tạp, nhạy cảm liên quan tới quá khứ, hiện tại, tương lai, liên quan tôn giáo, dân tộc, kinh tế - xã hội, văn hóa, quốc phòng, quốc tế, đặc biệt quan trọng đối với sự ổn định và phát triển bền vững đất nước, nên hòa giải về tranh chấp đất đai là lĩnh vực khó, đòi hỏi người làm công tác hòa giải ở cơ sở không chỉ có sự hiểu biết nhất định như lịch sử, nguồn gốc hình thành đất đó như thế nào, truyền thống văn hóa, phong tục tập ở địa phương... mà còn có các năng lực, kỹ năng khác như năng lực thực tiễn, năng lực tổ chức thực hiện, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết phục... để thực hiện tốt công tác hòa giải về đất đai.

Việc xác minh, thu thập thông tin về vụ việc tranh chấp đất đai của cán bộ, công chức, người được giao nhiệm vụ làm công tác hòa giải ở cơ sở chưa cập nhật văn bản mới, chưa nắm rõ hết các quy định của pháp luật về đất đai.

Biến động đất đai thay đổi liên tục, thay đổi ranh giới, mốc, diện tích, người dân không liên hệ cập thẩm quyền để cập nhật, đăng ký biến động về đất đai dẫn đến phát sinh tranh chấp khi giao dịch dân sự khi giá trị đất ngày càng cao.

Việc tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật, đặc biệt là văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực đất đai của cơ quan có thẩm quyền chưa tốt, chỉ mang tính hình thức nên hiệu quả chưa cao.

Bên cạnh đó, sự phát triển của nền kinh tế thị trường cũng làm phát sinh nhiều mặt trái tác động đến cuộc sống, ảnh hưởng đến truyền thống tương thân, tương ái, “lá lành đùm lá rách”, tạo lối sống vị kỷ chỉ quan tâm đến lợi ích bản thân, gia đình mình, dòng họ mình mà thờ ơ, bàng quan với lợi ích của người khác, lợi ích của cộng đồng. Đồng thời, giá trị quyền sử dụng đất hiện nay tăng rất cao, đột biến do thị trường tạo cơn sốt ảo giá đất, dẫn đến hệ lụy giá trị đất đai chênh lệch giữa giá trị của Nhà nước và thị trường (trước đây, người dân sẵn sàng tặng, hiến, cho nhau hàng chục mét đất giáp ranh; nhưng hiện nay do giá trị quyền sử dụng đất tăng quá cao nên việc mâu thuẫn, tranh chấp từng cm đất giáp ranh và lấn chiếm đất, tranh dành đất đai trong việc thừa kế đất).

Tiểu kết chương 2

Qua phân tích các số liệu về công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai trên địa bàn huyện Đồng Phú và huyện Chơn Thành, đã chỉ ra các hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế cho thấy các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải trong nhân dân đang gia tăng, cả về số lượng và tính chất phức tạp của vụ việc. Vì vậy, để khắc phục tình trạng trên cần phải nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ VỀ LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC – QUA THỰC TIỄN TẠI HUYỆN CHƠN THÀNH VÀ HUYỆN ĐỒNG PHÚ

3.1. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

3.1.1. Nâng cao nhận thức các cấp ủy Đảng và chính quyền đối với công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực đất đai, về công tác hòa giải ở cơ sở là hoạt động có tổ chức, có định hướng với mục đích để đối tượng được tuyên truyền, phổ biến nhận thức, hiểu biết và có hành vi đúng với các quy định của pháp luật. Từ đó góp phần nâng cao nhận trong các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác hòa giải ở cơ sở, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, hiệu quả thực hiện pháp luật của công dân.

Đối với Phòng Tư pháp hai huyện: cần nâng cao hơn nữa công tác tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Đồng thời kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hòa giải ở cơ sở, trong đó có hòa giải về lĩnh vực đất đai tại cơ sở. Nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật theo quy định. Hướng dẫn, xây dựng, quản lý, khai thác tốt tủ sách pháp luật tại các xã, thị trấn và các cơ quan ở địa phương.

Đối với lãnh đạo địa phương: Cần đề cao và tăng cường tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác hòa giải, đặc biệt hòa giải về tranh chấp đất đai nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức của toàn xã hội, đặc biệt là người dân về vị trí, vai trò và ý nghĩa quan trọng của công tác này, từ đó áp dụng ngày càng nhiều hơn công tác hòa giải để giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn trong cộng đồng. Xác định công tác hòa giải là một trong

những nhiệm vụ quan trọng góp phần tích cực vào việc bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong cộng đồng, khu dân cư. Đồng thời nâng cao năng lực, hiệu quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật. Nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác tuyên truyền, giáo dục.

Đối với hòa giải viên, tổ hòa giải làm công tác hòa giải ở cơ sở: tích cực tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, chính sách, pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan về hòa giải ở cơ sở, trong đó có lĩnh vực đất đai thông qua các buổi hòa giải ở cơ sở. Tuy nhiên, không vì thành tích hay kết quả hòa giải ngày càng cao mà vi phạm đạo đức trong thực hiện nhiệm vụ. Việc thực hiện hòa giải cần tránh trường hợp giải quyết qua loa, chiếu lệ, vụ việc dễ thì làm, khó thì bỏ, nghiêm cấm việc thực hiện hòa giải để trốn tránh nghĩa vụ, chính những điều này đã gây ảnh hưởng đến hoạt động hòa giải. Điều này không những không thể hiện được bản chất tốt đẹp của hòa giải, không làm phát huy được vai trò, ý nghĩa tích cực của nó mà ngược lại còn làm cho hoạt động hòa giải phản tác dụng, gây tác động xấu đến đời sống xã hội. Chính vì vậy, mọi buổi hòa giải phải đặt con người vào vị trí trung tâm, phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội. Hoạt động hòa giải phải gắn liền với việc xây dựng và thực hiện các cuộc vận động, phong trào trong toàn dân.

Đối với công chức Tư pháp – Hộ tịch, công chức Địa chính: tham mưu tốt hơn trong việc cần áp dụng đa dạng các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật như tuyên truyền miệng, thông qua hệ thống truyền thanh ở cơ sở, tiếp sóng truyền thanh đến các cụm loa khu dân cư, xe tuyên truyền lưu động, qua các trang mạng xã hội Zalo, facebook, báo in, báo hình, thông qua biên soạn, phát hành tài liệu pháp luật, thông qua tủ sách pháp luật, thông qua tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật, loại hình tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền, phổ biến pháp luật, đặc biệt trong công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai.

Đối với người dân: Nâng cao kiến thức và ý thức chấp hành pháp luật cho người dân tổ chức tuyên truyền, giáo dục tới người dân về hòa giải ở cơ sở, trong đó có lĩnh vực đất đai thông qua bằng nhiều hình thức khác nhau như các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các buổi tiếp xúc cử tri....

3.1.2. Hoàn thiện về thể chế hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật về đất đai phù hợp với thực tiễn. Trong thực tế nếu pháp luật về đất đai còn sự chông chéo, mâu thuẫn với văn bản pháp luật và chưa được hoàn thiện, đầy đủ, mang tính đồng bộ, thống nhất; thì tăng cường cả hệ thống chính trị vào cuộc trong việc tuyên truyền, hoà giải đất đai thì kết quả, mục đích hoà giải cũng không đạt được. Bởi vì, cốt lõi của vấn đề tranh chấp, mâu thuẫn đó là lợi ích, nếu các chủ thể tranh chấp về đất đai nghiên cứu, đối chiếu quy định của pháp luật đất đai cảm thấy quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm, bị thiệt thòi thì sẽ không bao giờ đạt được sự đồng thuận, cụ thể như sau:

Quy định về giá trị pháp lý ràng buộc các bên thực hiện đối với biên bản hoà giải ở cơ sở về tranh chấp đất đai của tổ hòa giải, hòa giải viên. Ngoài ra, hướng dẫn, quy định cụ thể một số trường hợp phát sinh trong quá trình hoà giải về tranh chấp đất đai tại của tổ hòa giải, hòa giải viên ở cơ sở.

Bổ sung thêm về nguyên tắc hoà giải đối với tranh chấp đất đai hiện hành như xem xét các yếu tố phong tục, tập quán, đạo đức, các thiết chế văn hóa truyền thống trong hòa giải tranh chấp đất đai; quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên tranh chấp cũng như người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ tranh chấp trong hoà giải.

Thứ hai, sửa đổi Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 nhằm tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho công tác này chẳng hạn như nghiên cứu tới quy định về biên bản hòa giải thành của tổ hòa giải, hòa giải viên có giá trị ràng buộc các bên thực hiện. Nếu không tự nguyện thi hành thì khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu công nhận việc hòa giải ở cơ sở; từ đó đảm bảo giá trị pháp lý. Hơn nữa, khi tiến hành hoà giải tranh chấp đất đai pháp

luật nên có quy định đề cập đến nguyên tắc hòa giải: ngoài các yếu tố phong tục, tập quán, đạo đức, các thiết chế văn hóa truyền thống trong hòa giải tranh chấp đất đai.

Thứ ba, luật hóa vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong công tác hòa giải, đặc biệt là vai trò của chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã (hiện nay vai trò tuyên truyền, phổ biến giáo dục Luật hòa giải cơ sở và tham gia xây dựng tổ chức bộ máy hòa giải ở cơ sở), nghiên cứu bổ sung thêm vai trò Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã tham gia các buổi hòa giải ở cơ sở về tranh chấp đất đai. Bởi vì xuất phát từ nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã được quy định tại Điều 23, khoản 2 Điều 24 Điều lệ Mặt trận tổ quốc Việt Nam, cụ thể như sau:

Thảo luận về tình hình và kết quả thực hiện chương trình phối hợp và thống nhất hành động thời gian qua; quyết định chương trình phối hợp và thống nhất hành động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp mình trong thời gian tới; Quyết định kế hoạch chuẩn bị đại hội đại biểu cấp mình theo hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp; Góp ý kiến, kiến nghị với cấp ủy Đảng, chính quyền cùng cấp và cấp trên về những chủ trương, chính sách, pháp luật. Giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ công chức nhà nước; Hiệp thương dân chủ cử Ban Thường trực; cử, cử bổ sung, thay thế hoặc cho thôi các chức danh Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các Ủy viên Thường trực, Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp; Xét, quyết định kết nạp làm thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp mình; Ra lời kêu gọi nhân dân địa phương hưởng ứng chủ trương của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với sự kiện quan trọng khi cần thiết. Ngoài ra, còn có nhiệm vụ, quyền hạn: Ra quyết định thành lập Ban công tác Mặt trận, ra văn bản công nhận Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng; thảo luận và quyết định những vấn đề khác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc do Ban Thường trực trình.

Ngoài ra, luật hóa vai trò tham gia của luật sư, trợ giúp viên pháp lý, tư vấn viên pháp luật ngay từ khi có tranh chấp, mâu thuẫn về đất đai cần hòa giải với nguyên tắc

các bên tranh chấp có thể mời tham gia. Bởi vì, hòa giải viên là người phân tích về tình: (tình nghĩa làng xóm, tình nghĩa anh em, tình bạn bè, gia đình, dòng họ...); còn luật sư, trợ giúp viên pháp lý, tư vấn viên pháp luật phân tích về lý (quy định của pháp luật về vấn đề đất đai, quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên). Đồng thời, luật hóa thủ tục hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai là thủ tục bắt buộc khi các bên có tranh chấp, mâu thuẫn có quyền lựa chọn trước khi khởi kiện ra Tòa án hoặc yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp cơ sở giải quyết. Đây là các biện pháp nhằm giảm tải cho cơ quan nhà nước và phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức tự quản trong Nhân dân cũng như các tổ chức xã hội khác, cá nhân khác trong công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai.

Thứ tư, đối với thanh toán thù lao cho hòa giải viên: nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình thực tiễn thi hành tại các địa phương, tạo sự linh hoạt, chủ động cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện và đặc biệt là để huy động sự nhiệt tình và sự chủ động của hòa giải viên ở cơ sở và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hòa giải. Hiện nay, việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở được quy định tại Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30/7/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp. Bên cạnh đó, pháp luật chỉ quy định một mức chung tối đa 200.000 đồng/vụ, việc không phân biệt mức độ, tính chất, quy mô phức tạp của mâu thuẫn, tranh chấp trong khi thực tế có những vụ việc hòa giải không thành hòa giải viên phải mất nhiều công sức, trí tuệ hơn rất nhiều so với vụ việc hòa giải thành và có những vụ, việc hòa giải viên phải mất rất nhiều công sức, chi phí đi lại để liên hệ với các bên tranh chấp... Do đó, với việc quy định mức "tối đa" này, không chỉ khó hỗ trợ và động viên cho những người làm công tác hòa giải ở mức độ nhất định, để duy trì, mà còn tạo rào cản cho một số địa phương có điều kiện về nguồn lực kinh phí muốn tăng mức chi thù lao vụ, việc hòa giải nhằm hỗ trợ, khuyến khích, động viên hòa giải viên tích cực tham gia công tác hòa giải ở cơ sở.

Theo đó, nên nghiên cứu sửa đổi quy định về chi thù lao vụ, việc hòa giải theo hướng:

- Một là, vẫn giữ nguyên quy định chi thù lao vụ, việc hòa giải không phân biệt vụ, việc hòa giải thành và không hòa giải thành.

- Hai là, không quy định mức tối đa thù lao như trong Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP mà quy định “khung mức thù lao” từ “XXX đồng đến YYY đồng”, căn cứ vào số lượng phiên hòa giải và tính chất phức tạp của vụ việc hòa giải, đặc biệt là hòa giải ở cơ sở đối với lĩnh vực đất đai. Cụ thể như sau:

- + Hòa giải viên được hưởng mức thù lao cụ thể trong khung mức thù lao từ 300.000 đồng/01 vụ việc đến tối đa 500.000 đồng/01 vụ việc khi vụ việc hòa giải kết thúc theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 và thuộc một trong các trường hợp sau: (i) Mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật tương đối đơn giản, liên quan đến số lượng từ 3 người trở xuống hoặc liên quan đến tranh chấp có giá trị dưới 1.000.000 đồng; (ii) Tranh chấp chung trong cộng đồng dân cư; (iii) Tranh chấp, mâu thuẫn chung về hôn nhân và gia đình;...

- + Hòa giải viên được hưởng mức thù lao cụ thể trong khung mức thù lao từ 1.000.000 đồng/01 vụ việc đến tối đa 1.500.000 đồng/01 vụ việc khi vụ việc hòa giải kết thúc theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 và thuộc một trong các trường hợp sau: Có phân định mức chi giữa hòa giải thành và hòa giải không thành. Cụ thể, khung mức chi đối với trường hợp hòa giải không thành nên quy định bằng với khung mức chi thù lao thấp nhất đối với trường hợp hòa giải thành. Vụ việc được tính chi thù lao khi: (i) Tổ hòa giải đã tiến hành hòa giải trong ba tháng; (ii) đã tiến hành hòa giải quá ba lần mà vẫn không thành; (iii) Vụ việc bị kết thúc hòa giải, các bên được hướng dẫn bảo vệ quyền lợi của mình bằng cách khác.

3.1.3. Kiện toàn về tổ chức bộ máy thực hiện đối với công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

Xuất phát từ đặc điểm tổ hòa giải là tổ chức tự quản của nhân dân, là hoạt động mang tính chất quần chúng trên cơ sở tự nguyện, do đó để bảo đảm thực hiện pháp luật hòa giải phải xã hội hóa hoạt động này, huy động rộng rãi lực lượng quần chúng nhân dân tham gia công tác hòa giải. Hiện nay, pháp luật về hòa giải đã xác định các chủ thể và nội dung quản lý nhà nước đối với tổ hòa giải và vai trò của các tổ chức - chính trị trong công tác hòa giải. Tuy nhiên, một vấn đề quan trọng là cơ chế quản lý nhà nước với các tổ chức chính trị - xã hội trong việc quản lý, chỉ đạo tổ chức và hoạt động hòa giải như thế nào để đảm bảo tính khoa học, phát huy được hiệu quả hoạt động hòa giải trong đời sống xã hội. Để hoàn thiện hơn nữa bộ máy tổ chức thực hiện pháp luật về hòa giải cần mở rộng thêm phạm vi điều chỉnh bao gồm cả Ban hòa giải, đồng thời quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức của Ban hòa giải.

Hàng năm, cần báo cáo, thống kê số liệu về tổ chức và hoạt động hòa giải tại các địa phương để kịp thời có biện pháp củng cố, kiện toàn, phát triển tổ chức tổ hòa giải và hòa giải viên. Tăng cường hiệu quả hoạt động của cơ quan tư pháp trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác hòa giải ở cơ sở bằng cách bổ sung thêm biên chế chuyên trách công chức Tư pháp - Hộ tịch để có sự phân công trách nhiệm rõ ràng trong việc quản lý, theo dõi các vụ việc hòa giải, tham mưu kịp thời cho cấp ủy, chính quyền và ngành cấp trên.

3.1.4. Xây dựng đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở có đủ tiêu chuẩn, năng lực đáp ứng yêu cầu trong công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

Để đáp ứng yêu cầu công tác hòa giải ở cơ sở nói chung và hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai, đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở cần được nâng cao năng lực hơn nữa nhằm đáp ứng nhu cầu giải quyết tranh chấp ngày nhiều và ngày càng phức tạp nảy sinh do sự phát triển kinh tế - xã hội, sự hội nhập giao lưu quốc tế hiện nay, trong thời gian tới, cần phải:

Một là, Tăng cường phát huy nhiệm vụ, vai trò bồi dưỡng kiến thức pháp luật liên quan đến công tác hòa giải ở cơ sở cho đội ngũ Tập huấn viên cấp huyện. Thông qua đội ngũ tập huấn viên cấp huyện sẽ tăng cường công tác bồi dưỡng, trang bị kỹ năng, kiến thức cho các hòa giải viên ở cơ sở, góp phần tạo chuyển biến tích cực trong công tác hòa giải ở cơ sở.

Hai là, Hòa giải ở cơ sở cần xác định “sứ mệnh” của mình không chỉ đơn thuần là giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật tại cộng đồng dân cư mà hoạt động của hòa giải viên phải mang lại cuộc sống yên bình, hạnh phúc cho cộng đồng, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc ngày một vững mạnh. Hòa giải viên phải đi sâu, đi sát xuống từng hộ dân, lắng nghe dân để nắm bắt tâm tư nguyện vọng của bà con từ đó mới tìm được nguyên nhân sâu xa của mâu thuẫn và khi đã hiểu được nguyên nhân thì phải thật công tâm, phân tích quy định pháp luật, quyền lợi mỗi bên, từ đó mới có thể hòa giải thành công theo tinh thần hòa giải ở cơ sở cần gần dân, hiểu dân, trọng dân và có trách nhiệm với dân; từ đó tạo sự đồng thuận, đồng lòng xây dựng và phát triển địa phương, đất nước giàu mạnh.

Ba là, Thường xuyên rà soát, đánh giá, tiến hành bổ sung, thay thế hòa giải viên đối với những tổ hòa giải còn thiếu hòa giải viên hoặc có hòa giải viên hoạt động mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao; bảo đảm các tổ hòa giải đủ số lượng, thành phần, tiêu chuẩn đáp ứng nhu cầu của công tác hòa giải ở cơ sở. Chú trọng rà soát lại tiêu chuẩn của hòa giải viên một cách chặt chẽ, nhất là trình độ văn hóa, kiến thức pháp luật và uy tín trong cộng đồng dân cư. Đây là yếu tố mang tính quyết định cho việc hòa giải đạt hay không đạt ngay bước đầu tiên.

Bốn là, Chú trọng đến việc nâng cao kiến thức pháp luật và nghiệp vụ cho những người làm công tác hòa giải đối với hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai. Qua khảo sát công tác hòa giải về lĩnh vực đất đai cho thấy, thực trạng về trình độ của những người làm công tác hòa giải hiện nay là một trong những nguyên nhân làm hoạt động hòa giải thụt lùi, thể hiện đội ngũ hòa giải viên ở hai huyện vẫn còn có những hạn chế

nhất định về trình độ, năng lực, nhất là về kỹ năng, nghiệp vụ giải quyết những tranh chấp, mâu thuẫn về lĩnh vực đất đai. Trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, kỹ năng hòa giải chưa cao lại không được cập nhật, bồi dưỡng kiến thức pháp luật thường xuyên, nhất là những lĩnh vực pháp luật liên quan đến lĩnh vực đất đai. Vì vậy, để nâng cao, cập nhật, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho đội ngũ hòa giải viên, hằng năm, Bộ Tư pháp căn chỉ đạo Sở tư pháp, Phòng tư pháp huyện Đông Phú và Chơn Thành căn tổ chức tập huấn các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, nghiệp vụ cho những người làm công tác hòa giải. Đồng thời, Tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm để trao đổi kinh nghiệm hòa giải hay, kỹ năng hòa giải có tính giáo dục, thuyết phục cao nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho hòa giải viên. Thông qua việc tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm sẽ giúp cho các hòa giải viên hiểu rõ hơn, có cơ hội học hỏi, trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau, tích lũy kỹ năng hòa giải và có kiến thức thực tế. Vì vậy, việc bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho hòa giải viên là rất cần thiết và phải được làm thường xuyên, dưới nhiều hình thức khác nhau.

Năm là, Tăng cường công tác tập huấn kỹ năng về hòa giải lĩnh vực đất đai nhằm nâng cao năng lực của hòa giải viên - một trong những yếu tố quyết định đến chất lượng đội ngũ hòa giải viên chính là chất lượng công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai. Ủy ban nhân dân cấp xã, thị trấn cần thường xuyên cử hòa giải viên tham gia các lớp tập huấn về kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở. Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn phải nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hòa giải viên về vai trò của công tác tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ về công tác hòa giải ở cơ sở nói chung, hòa giải về lĩnh vực đất đai nói riêng. Đội ngũ hòa giải viên phải xác định rõ việc đi tập huấn không phải là hình thức mà xác định rõ mục đích của việc đi tập huấn, bồi dưỡng là để nắm vững hơn kiến thức, nghiệp vụ về công tác hòa giải, có thể vận dụng kiến thức pháp luật, vận dụng giá trị văn hóa tốt đẹp của con người, của tình làng nghĩa xóm, của phong tục tập quán tốt đẹp, vận dụng kỹ năng để phục vụ công tác giải quyết những tranh chấp ở tại thôn, ấp, khu phố của mình.

Sáu là, Hòa giải viên tự nghiên cứu, tìm tòi, học hỏi thêm các kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, kỹ năng hòa giải

Để hòa giải thành công, mỗi hòa giải viên không chỉ cần có kiến thức pháp luật nói chung, kiến thức về pháp luật về lĩnh vực đất đai mà cần phải có những kỹ năng hòa giải nói chung trong công tác hòa giải, chẳng hạn như:

Hòa giải viên ở cơ sở cần rèn luyện kỹ năng lắng nghe, tôn trọng và lắng nghe các bên trình bày ý kiến, chia sẻ tâm tư, tình cảm của các bên; kỹ năng khai thác thông tin, yêu cầu các bên cung cấp tài liệu, chứng cứ, vận dụng pháp luật về hòa giải ở cơ sở và luật đất đai, các văn bản hướng dẫn, vận dụng phong tục, tập quán tốt đẹp, truyền thống của dân tộc khi tiến hành hòa giải ở cơ sở. Ngoài ra, Hòa giải viên cần rèn luyện kỹ năng giải thích, thuyết phục, cảm hóa và định hướng đưa ra phương án để các bên tự nguyện để thực hiện giải quyết tranh chấp, hành vi nào các bên được làm và những hành vi nào pháp luật ngăn cấm; hành vi nào phù hợp và không phù hợp với pháp luật, với đạo đức xã hội, nêu rõ hậu quả pháp lý mà các bên phải chịu nếu tiếp tục tranh chấp và đưa ra định hướng giải quyết tranh chấp để các bên tự lựa chọn và quyết định.

3.1.5. Đảm bảo điều kiện vật chất cho hoạt động hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

Cần đảm bảo thực hiện chi đúng, đủ, kịp thời kinh phí hỗ trợ thù lao vụ việc hòa giải đảm bảo hỗ trợ cho hoạt động của hòa giải viên, đặc biệt ở một số nơi đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, ngân sách xã còn rất nhiều khó khăn, eo hẹp chưa bố trí cho hoạt động này cần được quan tâm, hỗ trợ.

Chú trọng đến hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai như mua văn phòng phẩm, hỗ trợ thêm trang thiết bị phục vụ cho tra cứu tài liệu, bổ sung thêm thông tin đối với hoạt động hòa giải; tổ chức họp, sơ kết, tổng kết công tác hòa giải trong đó chú trọng hòa giải về lĩnh vực đất đai. Ngoài ra, có thể cung cấp tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, tài liệu pháp luật - giải pháp quan trọng để nâng cao trình

độ pháp luật và nghiệp vụ hòa giải cho các hòa giải viên. Tài liệu nghiệp vụ, tài liệu pháp luật có thể bao gồm các đề cương giới thiệu luật; sổ tay nghiệp vụ hòa giải; sách hỏi - đáp pháp luật. Vì vậy, các cơ quan tư pháp huyện Đồng Phú và Chơn Thành cần có kế hoạch biên soạn các tài liệu để cung cấp đến từng tổ hòa giải giúp cho hòa giải viên tự nghiên cứu nâng cao trình độ.

Cần có hướng dẫn cụ thể các thủ tục đề nghị thanh toán cho hòa giải viên về công tác theo dõi, ghi chép biên bản, sổ sách, hướng dẫn các thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên trước khi tiến hành hòa giải để tránh trường hợp khi giải quyết vụ việc hòa giải xong thì thiếu hồ sơ đề nghị thanh toán, tổ trưởng tổ hòa giải không tiến hành làm đề nghị hòa giải. Đồng thời, huy động nguồn kinh phí ngoài xã hội cho công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai, cụ thể là các thiết bị đo đạc.

3.1.6. Giải pháp khác

3.1.6.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, sự quản lý của chính quyền đối với hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

Trước hết, cấp ủy tăng cường chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên cần phát huy vai trò của mình trong công tác hòa giải ở cơ sở; bố trí kinh phí, đầu tư cơ sở vật chất cho công tác hòa giải ở cơ sở, trong đó có hòa giải về lĩnh vực đất đai.

Lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò của của công tác hòa giải cơ sở. Đồng thời, hàng năm cấp ủy đảng, chính quyền tiến hành kiểm tra, giám sát thực hiện hòa giải ở cơ sở.

Tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ cho các tổ hòa giải. Để làm tốt công tác này, phòng Tư pháp hai huyện Đồng Phú và Chơn Thành cần tham mưu Ủy ban nhân dân huyện cử hoặc mở các lớp tập huấn cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở.

Chi đạo ngành Tư pháp tổ chức được các buổi hội thảo tổng kết kinh nghiệm, cách làm hay và các mô hình hay để từ đó xây dựng, nhân rộng ra trên địa bàn huyện, và đề xuất xây dựng được mô hình điểm của tỉnh.

Chi đạo ngành tài nguyên và môi trường làm tốt công tác tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt; Thực hiện tốt việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Tham gia xác định giá đất, mức thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của địa phương.

Thứ hai, thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở đối với lĩnh vực đất đai:

- Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra đối với công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai; Tăng cường công tác tự kiểm tra việc thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở. Để thực hiện tốt công tác này, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận, tổ trưởng tổ hòa giải tiến hành tự kiểm tra và báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã kết quả kiểm tra.

- Bên cạnh việc thực hiện việc báo cáo thường xuyên về tình hình hoạt động công tác hòa giải ở địa phương cần phải kết hợp với việc tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện đề án; nhân rộng các mô hình tiêu biểu, làm tốt công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai. Trên cơ sở thực hiện Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 28/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019-2022”; Thực hiện kế hoạch số:177/KH-UBND ngày 22/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019-2022” ở tỉnh Bình Phước, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn của hai huyện. Hằng năm Sở tư pháp, Phòng tư pháp tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện xây dựng chương trình phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội về công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức và hoạt động

của các tổ hòa giải ở cơ sở.

- Hằng năm, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội phải đưa công tác hòa giải vào chương trình mục tiêu chung của hoạt động phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Định kỳ báo cáo tình hình hoạt động hòa giải để cấp trên nắm bắt và kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác hòa giải. Trên cơ sở các quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở các ngành, các cấp tăng cường thực hiện nghiêm các nhiệm vụ đề ra; tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, để giải quyết kịp thời; để đánh giá toàn diện, khách quan hơn về hoạt động hòa giải, khắc phục kịp thời những hạn chế của công tác hòa giải, trong đó có lĩnh vực đất đai.

- Tăng cường công tác đánh giá, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ công chức Tư pháp, Địa chính trong quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn công tác hòa giải. Việc kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động của đội ngũ hòa giải phải được tiến hành thường xuyên, liên tục không được làm qua loa, hình thức.

- Mặt khác, tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, đặc biệt về giá cả thị trường bất động sản trong giai đoạn hiện nay. Đây là một trong những nguyên nhân xảy ra tranh chấp đất đai do giá trị quyền sử dụng đất trong những năm gần đây tăng cao. Đồng thời, giải quyết rõ ràng việc phân định ranh giới đất của các bên tranh chấp.

3.1.6.2. Tăng cường vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và sự phối hợp của các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Trong công tác hòa giải ở cơ sở, Mặt trận giữ vai trò nòng cốt, các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm tham gia công tác hòa giải ở cơ sở. Bên cạnh vai trò chủ trì bầu hòa giải viên ở cơ sở, bầu Tổ trưởng Tổ hòa giải và cử hội viên ứng cử làm hòa giải viên ở cơ sở thì Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần gắn chặt chẽ hơn nữa việc thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở vào các cuộc vận động, các phong trào do Mặt trận phát động như

“Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc”, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”... thông qua đó để tăng cường phổ biến pháp luật cho nhân dân nhằm tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.

Trong công tác phối hợp đối với công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai, cụ thể cần thực hiện:

Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì và phối hợp với Mặt trận Tổ quốc chỉ đạo, hướng dẫn, đánh giá về chất lượng hoạt động hòa giải ở cơ sở hàng năm. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phối hợp cùng các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, phổ biến đến thành viên, hội viên, đoàn viên về luật hòa giải ở cơ sở, chấp hành tốt các quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở và luật đất đai.

Các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở, các chi bộ, Ban công tác Mặt trận các chi hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội nông dân... phối hợp và làm tốt công tác dân vận trong công tác hòa giải ở cơ sở, trong đó có lĩnh vực về đất đai. Đồng thời, tuyên truyền, gắn công tác hòa giải ở cơ sở là một trong những tiêu chí để đánh giá thực hiện các phong trào thi đua ở khu dân cư. Qua đây, sẽ nâng cao ý thức, trách nhiệm của các chi bộ, Ban công tác Mặt trận, các hội đoàn thể, các tổ hòa giải, hòa giải viên đối với công tác hòa giải ở cơ sở, đặc biệt đối với lĩnh vực đất đai.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, thị trấn của huyện Chơn Thành và Đồng Phú tiến hành phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát việc thực hiện các quy định về hòa giải ở cơ sở. Trong quá trình giám sát tiến hành đối thoại với người bị giám sát, làm rõ những nội dung, có kiến nghị và báo cáo Ủy ban nhân dân xã, thị trấn kết quả giám sát về thực hiện hòa giải ở cơ sở, trong đó có hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai.

Hơn nữa, tăng cường sự phối hợp của các tổ chức chính trị - xã hội và Công an ở cơ sở trong thực hiện các vụ việc hòa giải, trong đó có lĩnh vực đất đai. Hàng năm, tại cơ sở, công chức tư pháp – hộ tịch cần tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp xây

dựng chương trình phối hợp với Ủy ban mặt trận Tổ quốc và tổ chức thành viên chỉ đạo, hướng dẫn việc củng cố, kiện toàn tổ chức hoạt động của các Tổ hòa giải; tạo điều kiện và động viên, khuyến khích hội viên, thành viên của mình tham gia tích cực vào các hoạt động hòa giải. Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo các ngành chuyên môn phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp kiện toàn tổ chức, theo dõi, kiểm tra tổ chức và hoạt động hòa giải, qua đó giới thiệu những người có đủ tiêu chuẩn để bầu làm hòa giải viên, động viên nhân dân tích cực tham gia xây dựng, củng cố tổ chức và hoạt động hòa giải. Trong quá trình hòa giải ở cơ sở cần tiến hành phối hợp với lực lượng Công an tại địa bàn như: Cảnh sát khu vực; lực lượng công an cấp xã, phường, thị trấn; cán bộ phụ trách xã... để nâng cao hiệu quả chất lượng công tác hòa giải, cũng như giúp lực lượng công an chủ động nắm bắt được tình hình địa bàn.

3.1.6.3. Sử dụng người có uy tín trong dòng họ, cộng đồng dân cư; người có ảnh hưởng lớn, luật sư, trợ giúp viên pháp lý, tư vấn viên pháp luật đối với công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

Sử dụng người có uy tín trong dòng họ, trong cộng đồng dân cư, người có ảnh hưởng lớn có ý nghĩa, vai trò quan trọng trong việc giải quyết các tranh chấp ở cơ sở. Người có uy tín có vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền vận động nhân dân hiểu và thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Đối với công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai, người có uy tín trong dòng họ, cộng đồng dân cư, người có ảnh hưởng khi xảy ra tranh chấp liên quan đến đất đai sẽ là người tuyên truyền, khuyên răn các bên tranh chấp tự thỏa thuận, giải quyết ngay tại cơ sở, giúp cho các vụ việc hòa giải thành; góp phần trong việc giữ gìn tình làng nghĩa xóm, an ninh trật tự.

Khi tiến hành hòa giải ở cơ sở nên mời người có uy tín trong dòng họ, cộng đồng dân cư; người có ảnh hưởng lớn, luật sư, trợ giúp viên pháp lý, tư vấn viên pháp luật để tham gia nói chuyện với hai bên, hướng dẫn, tuyên truyền về chủ trương, về pháp luật đối với các bên tranh chấp. Từ đó, mâu thuẫn được giải quyết, nâng cao vụ việc

hòa giải thành lên.

Để người có uy tín trong dòng họ, cộng đồng dân cư; người có ảnh hưởng lớn, luật sư, trợ giúp viên pháp lý, tư vấn viên pháp luật làm tốt công tác hòa giải ở cơ sở cần làm tốt các công việc sau:

Một là, tiếp tục nâng cao nhận thức cho cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở về vị trí, vai trò của người có uy tín trong dòng họ, cộng đồng dân cư; người có ảnh hưởng lớn, luật sư, trợ giúp viên pháp lý, tư vấn viên pháp luật đối với công tác hòa giải nói chung, hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai nói riêng.

Hai là, bồi dưỡng kiến thức, trình độ, cũng như năng lực của người có uy tín trong dòng họ và cộng đồng dân cư. Cấp ủy, chính quyền ở cơ sở thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với người có uy tín, tuyên truyền, thông tin đến người có uy tín về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hòa giải ở cơ sở, các văn bản hướng dẫn về luật đất đai.

Ba là, tiếp tục hoàn thiện chính sách đối với người có uy tín trong dòng họ, cộng đồng dân cư; người có ảnh hưởng lớn: hỗ trợ về tài liệu, xăng xe, tiền nước...

3.2. Kiến nghị

*** Đối với Trung ương**

Sửa đổi Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn, Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 phù hợp với thực tiễn.

Luật hóa vai trò tham gia của luật sư, trợ giúp viên pháp lý, tư vấn viên pháp luật; vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong công tác hòa giải, đặc biệt là vai trò của chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã; Thủ tục hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai là thủ tục bắt buộc trước khi các bên lựa chọn khởi kiện ra Tòa án hoặc yêu cầu UBND cấp cơ sở giải quyết.

Nghiên cứu, sửa đổi quy định về chi thù lao vụ, việc hòa giải phù hợp với tình

hình thực tiễn thi hành tại các địa phương.

*** Đối với UBND tỉnh; UBND huyện, thị, thành phố; UBND cấp xã**

Tổng kết, sơ kết về công tác hòa giải ở cơ sở, đặc biệt công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai.

Quan tâm đầu tư trang thiết bị, tủ sách pháp luật, văn phòng phẩm... hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai.

Bố trí ngân sách, kinh phí hoạt động đối với công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai.

*** Đối với Hội đồng đào tạo, bồi dưỡng tỉnh**

Mở lớp tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở

*** Đối với trường Chính trị**

Tham mưu, xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai.

Chuẩn bị điều kiện cơ sở vật chất, giảng viên, nội dung chương trình... về bồi dưỡng, tập huấn công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai.

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở đánh giá thực trạng của chương 2, để nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Phước - Qua thực tiễn tại huyện Chơn Thành và huyện Đồng Phú, cần thực hiện tốt các giải pháp trên nhằm giải quyết kịp thời, dứt điểm những tranh chấp, bất đồng mới phát sinh tại cơ sở. Thực tế cho thấy, mọi vấn đề đều nảy sinh từ cơ sở và ở đâu làm tốt công tác hòa giải ở cơ sở thì ở đó an toàn chính trị, an ninh, trật tự xã hội được giữ vững, đời sống nhân dân được yên bình, hạnh phúc, kinh tế phát triển, trình độ dân trí nâng cao, cuộc sống của người dân văn minh, hiện đại. Đây là những yếu tố quan trọng góp phần hiện thực hóa chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

KẾT LUẬN

Phương thức hòa giải có xu hướng được sử dụng nhiều hơn không chỉ ở nước ta mà còn một số nước trên thế giới, đặc biệt là hòa giải ở cơ sở bởi nó là phương thức giải quyết tranh chấp có nhiều ưu điểm và đã tồn tại lâu đời trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Hòa giải ở cơ sở góp phần giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng ý thức thượng tôn pháp luật trong cộng đồng dân cư, giảm bớt các vụ việc phải giải quyết tại Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tiết kiệm thời gian và chi phí cho nhà nước và nhân dân, từ đó góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển.

Hiện nay, hòa giải trong lĩnh vực đất đai là phương thức phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội, truyền thống. Để hòa giải đi vào nề nếp, phát huy hiệu quả và vai trò của nó, bản thân hòa giải viên, tổ hòa giải phải biết vận dụng linh hoạt kết hợp chặt chẽ giữa lý và tình để giải quyết sự việc thấu tình đạt lý.

Từ năm 2018 cho đến năm 2021, Hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai trên địa bàn huyện Chơn Thành và Đồng Phú đã đạt được nhiều kết quả nhất định; tuy nhiên, vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định như: Tỷ lệ hòa giải không thành đối với vụ việc hòa giải đối với lĩnh vực đất đai ở huyện Chơn Thành khá cao; Việc tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật còn nặng tính hình thức; Tỷ lệ cán bộ, công chức được cử xuống cùng tham gia hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai với tổ hòa giải, hòa giải viên còn thấp...

Trong thời gian tới, để phát huy hơn nữa công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai, cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

- Nâng cao nhận thức đối với công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai
- Hoàn thiện về thể chế hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai
- Kiện toàn về tổ chức bộ máy thực hiện đối với công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai
- Xây dựng đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở có đủ tiêu chuẩn, năng lực đáp ứng yêu cầu trong công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

- Đảm bảo điều kiện vật chất cho hoạt động hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai

- Giải pháp khác: Các cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu cần quan tâm hơn nữa trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở một cách thực chất và hiệu quả; Tăng cường vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và sự phối hợp của các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai; Sử dụng người có uy tín trong dòng họ, cộng đồng dân cư; người có ảnh hưởng lớn đối với công tác hòa giải ở cơ sở về lĩnh vực đất đai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Văn bản quy phạm pháp luật

1. Quốc hội, Hiến pháp 2013.
2. Quốc hội, Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013.
3. Quốc hội, Luật Đất đai năm 2013.
4. Chính phủ, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật đất đai,
5. Chính phủ, Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở;
6. Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 về hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở;
7. Thủ tướng chính phủ, Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 28/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “*Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019-2022*”.
8. Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp, Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30/7/2014 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở.
9. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước, Quyết định số 55/2013/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 về ban hành quy định về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

II. Sách, tạp chí

10. Bộ Tư pháp, *Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở dành cho đội ngũ hòa giải viên* (ban hành kèm theo Quyết định số 1852/QĐ-BTP ngày 01/9/2020), Hà Nội, năm 2020.
11. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *Quản lý hành chính nhà nước*, Giáo trình trung cấp lý luận chính trị, năm 2021.

12. Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, “*Thế chế hòa giải ở Việt Nam*” - số chuyên đề tháng 9 năm 2014.
13. Từ điển Tiếng Việt, nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà Nội, năm 1995.
14. Từ điển Triết học, Nhà xuất bản Tiến bộ, Hà Nội, năm 1986.
15. Dương Thanh Mai (chủ biên), *Hướng dẫn nghiệp vụ công tác hòa giải ở cơ sở*” (tủ sách pháp luật xã, phường, thị trấn).
16. Trần Thị Hồng Phượng, “*Thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi*”, Luận văn thạc sĩ, Học viện Hành chính quốc gia, năm 2017.
17. Đặng Thị Lan Phương, *Hòa giải ở cơ sở (qua thực tiễn tỉnh Hải Dương)*, Luận văn thạc sĩ, Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2015.
18. Hồng Sơn, *Hòa giải ở cơ sở và hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã về tranh chấp đất đai dưới góc độ so sánh*, (<https://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/trao-doi-kinh-nghiem.aspx?ItemID=114>), truy cập ngày 4/3/2022.
19. **Dương Tấn Thanh - Trần Kim Yến**, *Pháp luật về hòa giải tranh chấp đất đai tại ủy ban nhân dân cấp xã và một số kiến nghị*, (<https://tapchitoaan.vn/phap-luat-ve-hoa-giai-tranh-chap-dat-dai-tai-uy-ban-nhan-dan-cap-xa-va-mot-so-kien-nghi>), truy cập ngày 4/5/2022.

III. Báo cáo

20. Ủy ban nhân dân huyện Đồng Phú, *Báo cáo số 340 về về tình hình kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh 11 tháng ước thực hiện năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019*.
21. Ủy ban nhân dân huyện Đồng Phú, *Báo cáo số 382/BC-UBND ngày 03/12/2019 về tình hình kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh 11 tháng ước thực hiện năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020*.

22. Ủy ban nhân dân huyện Đồng Phú, Báo cáo số 515 ngày 03/12/2020 về kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh 11 tháng, ước thực hiện năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021
23. Ủy ban nhân dân huyện Đồng Phú, Báo cáo số 378 ngày 30/11/2021 về kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh 10 tháng ước thực hiện năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022
24. Ủy ban nhân dân huyện Chơn Thành, Báo cáo số 230 của UBND ngày 18/12/2018 về tóm tắt tình hình kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh năm 2018 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2019.
25. Ủy ban nhân dân huyện Chơn Thành, Báo cáo số 182 ngày 4/12/2019 về tình hình kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020.
26. Ủy ban nhân dân huyện Chơn Thành, Báo cáo số 229 ngày 4/12/2020 về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021.
27. Ủy ban nhân dân huyện Chơn Thành, Báo cáo số 271 ngày 6/12/2021 về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022.
28. Ủy ban nhân dân huyện Chơn Thành, Báo cáo số 134 ngày 21/7/2022 về tóm tắt tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022.